BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN PHONG - DA LIỄU TW QUỲNH LẬP
Số: 766 /TM-BVPDLTWQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v chào giá hàng hóa cho Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập có kế hoạch mua Thực phẩm chức năng và Mỹ phẩm (gọi tắt là hàng hóa) phục vụ công tác cung ứng hàng hóa cho nhà thuốc bệnh viện. Bệnh viện kính mời Quý hãng sản xuất, nhà cung cấp tham gia chào giá các mặt hàng chi tiết cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời chào giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Trưởng khoa Dược, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập;

Địa chỉ: Khối Bắc Mỹ, phường Quỳnh Thiện, TX. Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0987.751.543

Email: Duocbvpdltwql@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản cứng: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Khoa Dược, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập. Địa chỉ: Khối Bắc Mỹ, phường Quỳnh Thiện, TX. Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Tài liệu được đóng gói, bên ngoài ghi rõ các thông tin:

Người gửi: Tên công ty/đơn vị gửi báo giá, địa chỉ công ty/đơn vị.

Nội dung tài liệu "Báo giá hàng hóa theo Thư mời số 766/TM-BVPDLTWQL ngày 28 tháng 11 năm 2024".

- Nhận thư điện tử tại địa chỉ email: Duocbvpdltwql@gmail.com bao gồm bản scan hồ sơ báo giá và file mềm excel theo mẫu phụ lục 2.

4. Thời hạn tiếp nhận chào giá: Từ ngày 29 tháng 11 đến ngày 12 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá (chi tiết như phụ lục 1 đính kèm)
2. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá theo mẫu Phụ lục 2;

- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá;

- Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm;

- Hóa đơn tài chính đã bán sản phẩm đó cho cơ sở y tế khác hoặc quyết định/thông báo kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (nếu có);

- Tờ khai Hải quan của nhà nhập khẩu (đối với sản phẩm nhập khẩu);

3. Địa điểm cung cấp: Nhà thuốc Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quỳnh Lập.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng thành nhiều đợt kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Rất mong Quý Công ty tham gia chào giá để có cơ hội cung cấp hàng hóa cho Bệnh viện.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, KD.

KT.GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN PHONG - DA LIỄU TRUNG ƯƠNG QUỲNH LẬP
P. GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH BỆNH VIỆN

Trương Quang Vũ

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN PHONG - DA LIỄU
TW QUỲNH LẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời chào giá số 766 /TM-BVPDLTWQL ngày 28 tháng 11 năm 2024)

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường sức khỏe cho da, tóc, móng	Vitamin B5 Biotin Kẽm, và các thành phần khác vừa đủ 1 viên 500mg	Viên nang	Uống	Viên 500mg	Viên	10.000	
2	Sản phẩm dưỡng da, ngừa mụn, ngừa thâm do mụn	Water, Polysorbate 20, Sodium Lauryl Sulfate, Cetearyl Alcohol, Isopropyl Myristate, Centella Asiatica Extract, Curcuma Longa Root Extract, Tocopherol, Ubiquinone, Potassium Sorbate	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài da	Khối lượng ≥20g	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
3	Sản phẩm làm sạch, dưỡng ẩm giúp làm dịu da, dùng được cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	Water, Propylene Glycol, Cetearyl Alcohol, Sodium Lauryl Sulfate, Potassium Sorbate	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 500ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
4	Sản phẩm dưỡng ẩm giúp làm dịu da, dùng được cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	Water, Propylene Glycol, Cetearyl Alcohol, Sodium Lauryl Sulfate, Potassium Sorbate	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	5.000	
5	Sản phẩm dưỡng ẩm da, ngừa da khô	Water, Propylene Glycol, Paraffinum Liquidum, Dicaprylyl Ether, Peg - 5 Glyceryl Stearate, Glycerin, Dimethicone, Dimethiconol, Cetyl Alcohol, Sweet Almond Oil Decyl Esters, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Tocopheryl Acetate, Sodium Hydroxide, Benzyl Alcohol	kem/gel/crea m/nhũ dịch	Dùng ngoài da	Khối lượng ≥ 50g	Chai/lọ/tuýp /hộp	5.000	
6	Sản phẩm dưỡng ẩm giúp giảm khô cho da khô, da nhạy cảm	Water, Cetearyl Alcohol, Glycerin, Propylene glycol, Cocoa Butter Glyceryl Esters, Dimethicone, Cetyl Esters, Isopropyl Myristate, Sodium Lactate, Saccharide Isomerate, Tocopherol, Urea, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Benzyl Alcohol	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài da	Khối lượng ≥ 50g	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
7	Sản phẩm dưỡng ẩm cho da khô, da nhạy cảm	Aqua; Glycerin; Coco- Caprylate/Caprate; Pentylene Glycol; Myristyl Myristate, Hydroxypropyl Starch Phosphate; Betaine; Butyrospermum Parkii Butter; Tribehenin; Methyl Glucose Sesquistearate; Sclerotium Gum; Parfum; Hydroxyacetophenone, Xanthan Gum; Citric Acid	kem/gel/crea m/nhũ dịch	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 250ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	500	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Dầu gội giúp làm sạch, ngăn ngừa gầu và giảm ngứa da đầu	Aqua, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Cocamide Mipa, Salicylic Acid, Peg -7 Glyceryl Cocoate, Piroctone Olamine, Sodium Benzoate, Parfum (Fragrance) Base Romarin, Panthenol, Citric Acid, Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride, Niacinamide, Menthol, Methylpropanediol, Sodium Chloride, Ci 42090, Ci 19140	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	500	
9	Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài của nam giới và nữ giới	Aqua, Glycerin, Sodium Methyl Cocoyl Taurate, Lauryl Glucoside, Cocamidopropyl Betaine, Chamomilla Recutita Flower water, Citric Acid, Hydroxyacetophenone; Sodium Benzoate, Ethylhexylglycerin, Potassium Sorbate, Lactic Acid, Tocopherol	gel/nhũ dịch/dung dịch	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	500	
10	Sản phẩm dưỡng da hàng ngày, phù hợp cho da khô, da nhạy cảm.	Caprylic/Capric Triglyceride, Propanediol, Lactobacillus Ferment, Gossypium Herbaceum Seed Oil, Butyrospermum Parkii Butter, Panthenol, Olea Europaea Fruit Oil (Olea Europaea (Olive) Oil), Xylitylglucoside, Anhydroxylitol, Tocopheryl Acetate, Xylitol.	kem/gel/nhũ dịch	Bôi ngoài da	5-5-4,9375-3-2,5-2,25-2-1,2-0,84-0,5-0,36 - Thể tích ≥75ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	5.000	
11	Sản phẩm dưỡng da hàng ngày dùng cho da viêm da cơ địa, chàm, eczema, da dị ứng, da kích ứng & nhạy cảm, da khô và da rất khô	Glycerin, Lactobacillus Ferment, Brassica Campestris Seed Oil, Gossypium Herbaceum Seed Oil, Caprylic/Capric Triglyceride, Butyrospermum Parkii Butter, Tocopheryl Acetate, Xylitylglucoside, Panthenol, Anhydroxylitol, Xylitol.	Nhũ tương/gel/dung dịch	Bôi ngoài da	4,975-4,9375-2-2-2-1,5-0,5-0,4-0,375-0,28-0,12 - Thể tích ≥250ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
12	Sản phẩm tắm gội,làm sạch giữ ẩm da, dùng cho da khô, nhạy cảm	Lactobacillus Ferment, Coco-Glucoside, Propanediol, Coco-Betaine, Panthenol, Xylitylglucoside, Caprylyl Glycol, Anhydroxylitol, Xylitol.	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài da	9,875-6,38-5-4,47-0,75-0,4-0,294-0,28-0,12 - Thể tích ≥400ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
13	Sản phẩm làm sạch da, loại bỏ bụi bẩn, tế bào chết, lượng dầu thừa trên da và giúp thông thoáng lỗ chân lông	Cocamidopropyl Betaine, Salicylic Acid, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Hypericum Perforatum Flower/Leaf/Stem Extract, Papain, Melaleuca Alternifolia Leaf Oil	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài da	3-1.5-1.5-0.04-0.04-0.01 - Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
14	Sản phẩm dưỡng da, ngăn ngừa tiết bã nhờn, làm dịu da dành cho da bị mụn trứng cá, da dầu, da hỗn hợp, da nhạy cảm.	Glycerin, Trehalose, Betaine, Astragalus Membranaceus Root Extract, Propylene Glycol, Allantoin, Potassium Azeloyl Diglycinate, Tocopherol, Taraktogenos Kurzii Seed Oil, Nigella Sativa Seed Oil.	kem/gel/nhũ dịch	Bôi ngoài da	4.67-0.85-0.83-0.82-0.76-0.69-0.5-0.22-0.11-0.02 - Thể tích > 50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
15	Sản phẩm làm dịu nhẹ da, ngăn ngừa tiết bã nhờn quá mức và ngăn ngừa lão hóa da	Caprylic/Capric Triglyceride, Olus oil, Allantoin, Niacinamide, Urea, Piroctone Olamine, Caprylyl Glycol, Candelilla Cera, Lactic Acid, Zanthoxylum Bungeanum Fruit Extract, Sodium Hyaluronate, Glycerophosphoinositol Lysine	kem/gel/nhũ dịch	Bôi ngoài da	5-2.2-2-0.5-0.5-0.5-0.3-0.1-0.1-0.1-0.05-0.023 - Thể tích > 50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
16	Sản phẩm giúp làm sạch cơ quan sinh dục ngoài.	Cocamidopropyl Betaine, Glycerin, Lactobacillus Ferment (1,988%), Aloe Barbadensis Leaf Extract, Caprylyl Glycol, Allantoin (0,1%), Panthenol, Lactic acid (0,048%)	Nhũ tương/ Dung dịch/gel	Dùng ngoài da	Thể tích ≥150ml	Chai	600	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	Thực phẩm bảo vệ hỗ trợ phục hồi sau tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não	Citicoline	Viên	Uống	500mg	Viên	5.000	
18	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe làm giảm chứng trào ngược dạ dày, kiểm soát các tình trạng tăng tiết acid dạ dày	Natri alginat Canxi carbonat Kali bicarbonat Chiết xuất hạt me	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	15g	Gói/chai/lọ	3.000	
19	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung albumin, các vi chất	Albumina 1000mg, Collagene 200 mg, L-Arginina 100 mg, Nucleotidi 50 mg, Cisteina 50 mg, L-Isoleucina 50mg, Alania 40 mg, L-Metionina 40 mg	Viên	Uống	1000mg, 200mg, 100mg, 50mg, 50mg, 50mg, 40mg, 40mg	Viên	3.000	
20	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường hệ miễn dịch, làm chậm phản ứng oxy hóa và lão hóa trong cơ thể	Thiamine (Vitamin B1) 11mg trên 100ml Riboflavin (Vitamin B2) 14mg trên 100ml Pyridoxine (Vitamin B6) 14mg trên 100ml Cyanocobalamin (Vitamin B12) 25mcg mỗi 100ml Nicotinamide (Vitamin B3) 160 mg mỗi 100ml Axit Pantothenic (Vitamin B5)) 60mg trên 100ml Biotin (Vitamin H) 500mcg trên 100 ml Axit folic (Vitamin B9) 2000 mcg đối với 100 ml Cholecalciferol (Vitamin D3) 50 mcg cho 100 ml Tocopherol (Vitamin E) 120mg mỗi 100ml Axit Ascorbic (Vitamin C) 800mg trên 100ml Retinol (Vitamin A) 8000 mcg trên 100ml Chiết xuất mềm nhân sâm (tối thiểu 18% trong tổng số ginsenosides dưới dạng ginsenoside RG1 1120 mg trên 100 ml)	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Thể tích ≥10ml	Gói/chai/lọ	2.000	
21	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường hấp thu dưỡng chất, nâng cao sức đề kháng, giúp trẻ ăn ngon	Echinacea extract (Chiết xuất cúc tím) 1250mg, Thymomodulin 1000mg, Springer 0203 (Cao men bia) 635mg, Elderberry extract (Chiết xuất cây cơm cháy) 438mg, L-Arginine.HCL 313mg, Kẽm gluconate 250mg, Lactoferin 125mg, Vitamin C 63mg,Vitamin B1 19mg, Vitamin B5 19mg, Vitamin B6 19mg, Vitamin A 3750IU, Phụ liệu khác	Dung dịch	Uống	Thể tích ≥150ml	Chai/lọ	1.000	
22	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung Vitamin D3, K2	Vitamin D3 (Cholecalciferol) 400IU (tương ứng 10mcg), Vitamin K2 (Menaqui- none-7) 25mcg, DHA (Omega 3) từ dầu tảo 5mcg	Dung dịch/hỗn dịch	Uống	Thể tích ≥10ml	Chai/lọ	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Sản phẩm làm sạch vùng kín	Water, Disodium lauryl sulfosuccinate, Cocamidopropyl betaine, Sodium Cocoam-phoacetate, Propandione, Peg-7 Glycin, Cocoate, Polyquaternium 7, Olive oil peg-7 esters, Glycerin, Propylene glycol, Colloidal silver (nano bạc), Panthenol (Pro-vitamin B5), Tocopheryl Acetate (vitaminE), Aloe barbadensis leaf extract (chiết xuất lô hội), DMDM Hydantoin, Disodium EDTA, Lactic acid, Curcuma longa root extract (chiết xuất nghệ), tinh dầu tràm trà, tinh dầu bạc hà	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Rửa ngoài da	Thể tích ≥100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
24	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột	BaciluusBacillus clausii 10CFU kẽm gluconat 5mcg phụ liệu : nước cất vừa đủ 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Thê tích ≥5ml	Ống/gói	10.000	
25	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng đề kháng	Kẽm, Lysine, Thymomodulin và các vitamin	Dung dịch/ hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Thê tích ≥ 120ml	Hộp	2.000	
26	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị loét dạ dày	Pylopass (Lactobacilus Reuter DSM17648) 100 mg, Nano curcumin 30 mg	Viên	Uống	Viên	Viên	2.000	
27	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp điều trị chứng trào ngược dạ dày	Sodium Alginat 200mg, Acid Alginic 50mg, Sodium Bicarbonat 80mg, Calci Carbonat 140mg…..	Viên	Uống	Viên	Viên	10.000	
28	Sản phẩm làm sạch, vệ sinh phụ khoa	Nước tinh khiết, dịch triết trinh nữ hoàng cung,trầu không, bách lý hương, chè xanh, vitamin E…	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Rửa phụ khoa	Thể tích ≥200 ml	Hộp	1.000	
29	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung sắt và vitamin	Sắt hữu cơ, ilunin và các vitamin	Viên	Uống	Viên	Viên	20.000	
30	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị các bệnh xương khớp	Glucosamine hydrochloride 900mg, MSM 240mg, Chondroitin sulphate 150mg, vitamin C 75mg, type II collagen 75mg, Hyaluronic acid 75mg	Viên	Uống	Viên	Viên	10.000	
31	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng cường sức khỏe tim mạch	Coenzym Q10 50mg; L-Carnitine 250mg	Viên	Uống	Viên	Hộp	500	
32	Sản phẩm hỗ trợ trong điều trị trĩ - Dạng bôi	Peptide/ Dimethicon/ Acid Hyaluronic, vỏ cây sồi, hạt dẻ ngựa, cúc kim tiền, cúc la mã, B5, kẽm, lô hội…	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 15 ml	Tuýp	200	
33	Sản phẩm hỗ trợ trong điều trị trĩ - Dạng đặt	Peptide/ Dimethicon/ Acid Hyaluronic, vỏ cây sồi, hạt dẻ ngựa, cúc kim tiền, cúc la mã, B5, kẽm, lô hội…	Viên đặt	Đặt hậu môn/trực tràng	Viên	Viên	5.000	
34	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung các vitamin và khoáng chất	Các vitamin và khoáng chất	Viên	uống	Viên	Hộp	200	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
35	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ chống oxy hóa	Glutathione 1200mg Acid Alpha lipoic 50mg Beta-glucan 20mg Vitamin C (Acid Ascorbic) 15mg	Viên nang	uống	Viên	Viên	2.000	
36	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng cường sức khỏe tim mạch và não bộ	Ginkgo biloba .....120mg Cao việt quất.....50mg Coenzym Q10.....15mg Magie.....10mg Vitamin B6.....2mg	Viên	uống	Viên	Hộp	500	
37	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung một số vitamin nhóm B và magie cho cơ thể	Magie (Magie oxit 275mg, Magie citrate 200mg).....475mg Vitamin B6.....5mg Vitamin B1.....10mg Vitamin B12.....10mcg Selen.....50mcg	Viên nang	uống	Viên	Hộp	10.000	
38	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng cường sức đề kháng	Sữa non - Colos trum 100mg, Arabinogalactan : 250mg, Beta Glucan : 50mg, Elderberry Fruit Extract : 50mg, Maitake Mushroom : 50mg, Shitake Mushroom : 50mg	Viên nang	uống	Viên	Viên	10.000	
39	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ mắt, não, tim mạch	Dầu cá Omega 3 .....400mg Dầu hạt lạnh Omega 6.....300mg Dầu Hướng Dương Omega 9.....290mg Vitamin E.....10mg	Viên nang	uống	Viên	Hộp	500	
40	Sản phẩm làm sạch da đầu, giảm gàu, dùng cho da khô, rất khô, da nhạy cảm, da đầu bị gàu và tóc nhiều dầu.	Cocamidopropyl Betaine, Undecylenamidopropyl Betaine, Glycerin, Urea, Lactic Acid, Allantoin, Ceramide NP (3), Ceramide AP (6II), Ceramide EOP (1), Phytosphingosine, Cholesterol, Sodium Lauroyl Lactylate, Carbomer, Xanthan Gum	kem/gel/nhũ dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥300ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
41	Nhũ tương Mượt da toàn thân 1% Urê	Caprylic/Capric Triglyceride, Glycerin, Hydrogenated Polydecene, Dimethicone, Urea, Allantoin, Sodium Lauroyl Lactylate, Maltooligosyl Glucoside, Hydrogenated Starch Hydrolysate, Tocopheryl Acetate, Cholesterol, Ceramide NP (3), Ceramide AP (6II), Phytosphingosine, Ceramide EOP (1)	Nhũ tương/gel/dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥400ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
42	Nhũ tương Mềm da 3% Urê	Isononyl Isononanoate, Butylene Glycol Dicaprylate/Dicaprate, Glycerin, Propylene Glycol, Urea, Cetyl Palmitate, Dimethicone, Hydrogenated Coco-Glycerides, Sodium Lactate, Dimethiconol, Macadamia Ternifolia Seed Oil, Gossypium Herbaceum (Cotton) Seed Oil, Panthenol, Hydroxyacetophenone, Sodium Lauroyl Lactylate, Malic Acid, Butylene Glycol, Phytosphingosine, Cholesterol, Ceramide 3, Ceramide 6 II, Inulin, Squalane, Ceramide 1	Nhũ tương	Dùng ngoài	Thể tích ≥50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
43	Sản phẩm làm mềm da, dưỡng da và làm dịu da	Urea, Canola Oil, Caprylic/Capric Triglyceride, Cetyl Ricinoleate, Glycerin, Dimethicone, Phytosphingosine, Maltooligosyl Glucoside, Ceramide NP (3), Ceramide AP (6II), Cholesterol, Tocopheryl Acetate, Allantoin, Ceramide EOP (1), Hydrogenated Starch Hydrolysate, Sodium Lauroyl Lactylate,	Kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
44	Tinh chất dịu da tăng cường hiệu quả bởi B5	Elaeis Guineensis (Palm) Oil, Octyldodecanol, Glycerin, Hydrogenated Coco-Glycerides, Propylene Glycol, Dimethicone, Troxerutin, Escin, Panthenol, Tocopheryl Acetate, PEG-8, Tocopherol, Ascorbyl Palmitate, Ascorbic Acid, Citric Acid	Nhũ tương	Dùng ngoài	Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
45	Sản phẩm làm sạch da đầu, giảm gàu, dùng cho da khô, rất khô, da nhạy cảm, da đầu bị gàu và tóc nhiều dầu.	Urea, Cocamidopropyl Betaine, Glucose, Piroctone Olamine, Coco-Glucoside, Caprylyl Glycol, Polyquaternium-7, Inulin, Zinc PCA, Salix Alba (Willow) Bark Extract	Kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
46	Sản phẩm làm sạch và chăm sóc tóc, da đầu, thích hợp dùng cho tóc yếu, tóc bị gãy, rụng...	Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Cocamide DEA, Sodium Lauroyl Sarcosinate, Glycerin, Inulin, Panthenol, Silicone Quaternium-22, Equisetum Arvense (Horsetail) Leaf Extract, Hydrolyzed Ceratonia Siliqua (Carob) Seed Extract, PPG-26-Buteth-26, Apigenin, Oleanolic Acid, Biotinoyl Tripeptide-1, Polyquaternium-7, Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride	Kem/gel/dung dịch/nhũ dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
47	Tinh chất giúp ngừa rụng tóc Nữ	Glucose, Panthenol, Equisetum Arvense (Horsetail) Leaf Extract, Inulin, Arginine, Acetyl Tyrosine, PEG-12 Dimethicone, Niacinamide, Apigenin, Biotinoyl Tripeptide-1, Panax Ginseng Root Extract, Arctium Majus (Burdock) Root Extract, Biotin, Polyquaternium-11, Hydrolyzed Soy Protein, Glucosamine HCl, Retinyl Palmitate	Dung dịch/tinh chất	Dùng ngoài	Thể tích ≥5ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
48	Tinh chất giúp ngừa rụng tóc Nam	Glucose, Equisetum Arvense (Horsetail) Leaf Extract, Panax Ginseng Root Extract, Inulin, Arginine, Acetyl Tyrosine, Biotin, PPG-26-Buteth-26, Biotinoyl Tripeptide-1, PEG-12 Dimethicone, Calcium Pantothenate, Zinc Gluconate, Niacinamide, Ornithine HCl, Arctium Majus (Burdock) Root Extract, Apigenin, Linoleic Acid, Caprylic/Capric Triglyceride, Diethylhexyl Syringylidenemalonate, Polyquaternium-11, Citrulline, Oleanolic Acid, Hydrolyzed Soy Protein, Glucosamine HCl, Retinyl Palmitate	Dung dịch/tinh chất	Dùng ngoài	3x5ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	
49	Sản phẩm dạng xịt chăm sóc và cung cấp dưỡng chất cho tóc, da đầu.	Glycerin, Hydrolyzed Keratin, Silicone Quaternium-22, Panthenol, Equisetum Arvense (Horsetail) Leaf Extract, Inulin, Apigenin, Palmitamidopropyltrimonium Chloride, Oleanolic Acid, PPG-26-Buteth-26, Biotinoyl Tripeptide-1,	Dung dịch/tinh chất	Dùng ngoài	200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	300	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
50	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe dưỡng da tóc móng	- L-Cystine - Kẽm gluconat - Pyridoxin HCL - Collagen - Glutathion - Biotin	Viên nang	Uống	- 300 mg - 50 mg - 25 mg - 20 mg - 10 mg - 1.000 mcg	Viên	20.000	
51	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe dưỡng da tóc móng	- L-Cystine - Biotin - Kẽm Gluconat - Pyridoxin hydroclorid	Viên nang	Uống	- 300mg - 1000 mcg - 50mg - 25mg	Viên	20.000	
52	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ dưỡng da tóc móng	- Collagen peptide cá tuyết (nhập khẩu từ Nauy) - L-cystine (nhập khẩu Pháp) - Kẽm gluconate 89% (chứa Kẽm 6,35mg) - Vitamin B5 (D - Calci pantothenat) - Biotin (Vitamin H)	Viên	Uống	- 250mg - 200mg - 50mg - 30mg - 5mg	Viên	20.000	
53	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng cường sức khỏe và nâng cao sức đề kháng	- Betaglucan 80% - Thymomodulin (nhập khẩu Đan Mạch) - Nutra – C (chứa 80% Vitamin C (Acid ascorbic)) - Kẽm gluconate 89% (chứa Kẽm 5,7mg)	Viên nang	Uống	- 120mg - 90mg - 75mg - 45mg	Viên	20.000	
54	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường chức năng gan	- Cao Carduus marianus - Cao Diệp hạ châu - Cao Actiso - Cao Cà gai leo - Cao linh chi đen …	Viên nang	Uống	- 200mg - 100mg - 100mg - 100mg - 50mg	Viên	30.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
55	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng cường nội tiết tố nữ	Viên nang (gelatin, chất ổn định: glycerol, chất tạo màu: caramel, mùi thơm: ethyl vanillin); chiết xuất cam quýt (Citrus sinensis); dầu cây lưu ly (Borago officinalis); dầu cá ; khoáng chất: sắt gluconate; phospholipids có nguồn gốc biển (cá); khoáng chất: kẽm gluconate; nhũ hóa: mono và diglyceride của axit béo; chất làm đặc: sáp ong màu vàng; vitamin E tự nhiên; beta-carotene có nguồn gốc tự nhiên; dầu hướng dương; vitamin B9.	Viên nang	Uống	Dầu cá 125mg tương đương 90mg Omega – 3 (chứa 42.8mg EPA và 31.5mg DHA) Vitamin E: 12mg Acid folic: 200mcg Sắt: 5.7mg Kẽm: 5mg Dịch chiết cam ngọt: 170mg Dầu hạt lưu ly: 135mg (chứa Omega – 6) Beta-carotene: 3.1mg Endo phospholipid: 14mg...	Viên	10.000	
56	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường chức năng gan	- L-Cystine (nhập khẩu từ Pháp) - Choline bitartrate: 80mg - Chiết xuất Kế sữa (Silybum marianum extract, chứa 40% Silymarin): 80mg - Covitol® 1360 (Vitamin E (D-alpha-tocopheryl acetat)) (nhập khẩu từ Mỹ):65IU - Phụ liệu: Chất tạo vỏ nang (gelatin), Chất giữ ẩm (glycerin), Chất độn (dầu đậu nành, sorbitol), Chất ổn định (sáp ong trắng, dầu cọ), Chất nhũ hóa (lecithin), Chất chống đông vón (aerosil), Chất bảo quản (nipagin, nipasol), hương liệu tổng hợp (ethyl vanillin), phẩm màu tổng hợp (titan dioxyd, brown HT, oxit sắt đỏ).	Viên nang	Uống	- 250mg - 80mg - 80mg - 65IU	Viên	30.000	
57	Sản phẩm dưỡng da, giữ ẩm, bảo vệ da, giúp da mềm mịn và làm sáng da	Aqua, Isopropyl Myristate, Emulsifying Wax, Ceramide 3, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Glycyrrhiza Inflata (Licorice) Root Extract, Niacinamide, Glyceryl Stearate, Caprylic/Capric Triglycerids, Cetearyl Alcohol, Glycerin, Cholesterol (Provitamin D3), Fatty Acid (Omega 6), Tocopherol Disodium Phosphate (Vitamin E), Carbomer, Dimethicone, Dimethyl Lauramide Oleate, Allantoin, Sodium Hyaluronate, Fragrance, Sodium PCA, Lactic Acid, Anthemis Nobilis Flower (Chamomile) Extract, Vitis Vinifera Seed Oil, Sodium Benzoate, Chloroacetamide, Triethanolamine	Kem/ nhũ tương/ sữa/ gel/dầu	Bôi ngoài da	Thể tích ≥125ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
58	Sản phẩm giúp làm sạch cho da, hỗ trợ ngăn ngừa mụn - Dùng để tắm hoặc gội	Aqua, Glycerin, Sulfur, Cocamido propyl Betaine, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate, Glycolic Acid, Caprylic/Capric Triglyceride, Salicylic acid, Hydrogenated Castro Oil, Propylene Glycol, Aloe Barbadensis (Aloe Vera) Leaf Extract, Vitis Vinifera (Grape) Seed Oil, Sodium PCA, Allantoin, Tocopheryl Acetate (Vitamin E), Fragrance, Zin PCA,Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Dehydroacetic Acid, Potassium Hydroxide, Citric Acid, Disodium EDTA, Sesamum Indicum (Sesame) Seed Oil	Muối/xà phòng/dầu gội/ gel	Dùng trên da	Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
59	Sản phẩm giúp làm sạch cho da, giữ ẩm cho da, dùng trên mặt, tay và toàn thân.	Water, Cetyl Alcohol, Sodium Laureth Sulfate, Propylene Glycol, Stearyl Alcohol, Phenoxyethanol, Sodium Polyacrylate, Ethylhexylglycerin	Kem/nhũ tương/ sữa/gel/ dầu	Dùng trên da	Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
60	Sản phẩm gội đầu, giúp làm sạch da đầu, giúp làm sạch gàu và giúp giảm gàu	Aqua, Sodium Laureth Sulfate, Disodium Cocoamphodiacetate, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Chloride, Cocamide DEA, Amodimethicone, C11-15 Pareth-7, Laureth-9, Trideceth-12, Sodium Laureth Sulphate, Glycol Distearate, Cocamide MEA, Climbazole, Selenium Sulfide, Polyquaternium-7, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Panthenol, Glycerin, Benzyl Alcohol, Methylchloroisothiazolinone, Methylisothiazolinone, Parfume, Citric Acid, Tetrasodium EDTA, Sodium PCA, Sodium lactate, Arginine, Aspartic acid, PCA, Alanine, Serine, Valine, Proline, Threonine, Isoleucine, Histidine, Phenylalanine	Dung dịch/gel/nhũ tương	Dùng trên da	Thể tích ≥100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
61	Sản phẩm tắm gội giúp làm sạch da và tóc cho bé	Aqua, Disodium Laureth Sulfosuccinate, Coco Glucoside, Cocoamidopropyl Betaine, PEG-7 Glyceryl Cocoate, PEG/PPG-120/10 Trimethylolpropane Trioleate, Laureth-12, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Calophyllum Inophyllum Seed Oil, Tocopherol, Phenylpropanol, Propanediol, Caprylyl Glycol, Polysorbate 20, Parfume, Tetrasodium EDTA, Citric Acid	Kem tắm/sữa tắm/gel tắm	Dùng trên da, tóc	Thể tích ≥200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
62	Sản phẩm giúp làm sạch da và giúp loại bỏ dầu thừa trên da, thích hợp cho da dầu và da mụn - Dạng xà phòng	Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate, Aqua, Sulfur, Glycolic acid, Glycerin, Lauryl Glucoside, Sodium Chloride, Propylene glycol, Salicylic Acid, Cocos Nucifera (Coconut) Oil, Allantoin, Fragrance, Sesamum Indicum (Sesame) Seed Oil, Cucumis Sativus (Cucumber) Extract, Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Dehydroacetic Acid, Disodium Etidronate, Disodium EDTA	Bánh/cục	Dùng trên da	Khối lượng ≥80g	Bánh/cục	3.000	
63	Sản phẩm giúp làm sạch da và giúp loại bỏ dầu thừa trên da, thích hợp cho da dầu và da mụn - Dạng xà phòng	- Sulfur 10% - Salicylic acid 2% - Glycolic acid 2%	Bánh/cục	Dùng trên da	Khối lượng ≥80g	Bánh/cục	2.000	
64	Sản phẩm dưỡng da, giữ ẩm cho da	Purified water, Polyglyceryl-3 Methylglucose Distearate, Ceteareth-25, Cetostearyl Alcohol, Butyrospermum parkii (Shea) Butter, Glyceryl Stearate SE, Caprylic/Capric Triglycerides, Cyclopentasiloxane, Glycerin, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, 1-Methylhydantoine-2-imide, Ceramide NP, Ceramide AP, Ceramide EOP, Sodium Lauroyl Lactylate, Carbomer, Xanthan Gum, ...	Kem/nhũ tương/ sữa/ gel/dầu	Bôi ngoài da	Khối lượng ≥50g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
65	Sản phẩm bảo vệ da dùng cho mặt và cơ thể	Glycerin, Urea, Canola oil, Borago Officinalis Seed Oil, Butyrospermum Parkii Butter, Isostearyl Isostearate, Dicaprylyl Carbonate, Octyldodecanol, Hydrogenated Coco-Glycerides, Prebiotic Biolin (Inulin, Alpha-Glucan Oligosaccharide), Defensil® Plus (Octyldodecanol, Ribes Nigrum Seed Oil, Helianthus Annuus Seed Oil Unsaponifiables, Cardiospermum Halicacabum Flower/Leaf/Vine Extract, Tocopherol, Helianthus Annuus Seed Oil, Rosmarinus Officinalis Leaf Extract), Omega Plus complex (Helianthus Annuus Seed Oil, Zea Mays Oil, Sesamum Indicum Seed Oil, Macadamia Integrifolia Seed Oil, Olea Europaea Fruit Oil), Tocopheryl Acetate	Kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥75ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
66	Sản phẩm tắm gội chuyên biệt, dưỡng ẩm, làm dịu da dành cho da khô, da bị kích ứng và da nhạy cảm	Dầu đậu tương, Isopropyl Palmitate, Caprylic/Capric Triglyceride, C12-13 Pareth-3, PEG-40 Sorbitan Peroleate, Dầu hạt Hướng dương, Octyldodecanol, Dầu cây lưu ly, Dầu hạt Lanh, Tocopheryl Acetate, Dầu hạt nho đen, Dầu hạt ngô, Citric Acid, Dầu hạt mè, PEG-8, Dầu hạt Mắc-ca, Dầu Ô liu, Tocopherol, Chiết xuất hoa/lá/thân dây của cây tam phỏng, Ascorbyl Palmitate, Ascorbic Acid, Chiết xuất lá Hương thảo, TBHQ	Kem/ gel/Dầu	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
67	Sữa tắm chuyên biệt dưỡng ẩm, làm dịu da dành cho da khô, da bị kích ứng và da nhạy cảm	Aqua, Sodium Lauroyl Sarcosinate, Urê, Caprylic/Capric Triglyceride, Dầu Ô liu, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate, Cocamidopropyl Betaine, Glyceryl Stearate Citrate, Oleyl Erucate, Pentaerythrityl Distearate, Propanediol, 1,2-Hexanediol, Octyldodecanol, Sodium Benzoate, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Inulin, Dầu hạt nho đen, Alpha-Glucan Oligosaccharide, Disodium EDTA, Lactic Acid, Xanthan Gum, Dầu hạt hướng dương, Dầu ngô, PEG-8, Tocopherol, Dầu hạt mè, Dầu hạt Mắc ca, Chiết xuất hoa/lá/thân dây của cây tam phỏng, Ascorbyl Palmitate, Chiết xuất lá Hương thảo, Ascorbic Acid, Citric Acid, TBHQ	Kem tắm/sữa tắm/gel tắm/dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥250ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
68	Sản phẩm làm giảm mụn, dịu da	Water, Glycerin, Propylene Glycol, Alcohol, Sodium Hyaluronate, Allantoin, Betaine, Sorbitan Sesquioleate, Chamaecyparis Obtusa Water, Disodium EDTA, Glycyrrhiza Uralensis (Licorice) Root Extract, Houttuynia Cordata Extract, Chlorphenesin Citrus Paradisi (Grapefruit) Fruit Extract, Illicium Verum (Anise) Fruit Extract, Nelumbium Speciosum Flower Extract, Paeonia Suffruticosa Root Extract, PEG-60 Hydrogenated Castor Oil, Scutellaria Baicalensis Root Extract, Artemisia Princeps Leaf Extract, Caprylic/Capric Triglyceride, Ceramide NP, Cetyl Alcohol, Citric Acid, Panax Ginseng Root Extract, Phragmites Communis Extract, Piper Methysticum Leaf/Root/Stem Extract, Salicornia Herbacea Extract, Butyl Avocadate, Hydroxyethylcellulose, Carbomer, Farnesol, Farnesyl Acetate, Panthenyl Triacetate (Panthenol), PEG-12 Glyceryl Laurate, PEG-36 Castor Oil, Triethanolamine, Fragrance, Guaiazulene, Retinyl Palmitate	Gel/kem	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 15ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
69	Xà phòng làm giảm mụn, sáng da dành cho da mặt, đầu và toàn thân	Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate, Water, Sulfur, Propylene Glycol, Fragrance, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Tocopheryl Acetate, Glycerin, Sodium Chloride, Snail Secretion Filtrate, Sodium Hyaluronate, Salicylic Acid, Tetrasodium EDTA, Tetrasodium Etidronate, Chamaecyparis Obtusa Water, Centella Asiatica Extract, Lavandula Angustifolia Extract, Citrus Limon Fruit Extract, Portulaca Oleracea Extract, Harpagophytum Procumbens Root Extract, Honey Extract, Linum Usitatissimum Seed Extract, Hibiscus Esculentus Fruit Extract, Aloe Barbadensis Leaf Juice, Arctium Lappa Root Extract, Hibiscus Mutabilis Flower Extract, Corchorus Olitorius Leaf Extract, Apium Graveolens Extract, Brassica Oleracea Capitata Leaf Extract, Brassica Oleracea Italica Extract, Brassica Rapa Leaf Extract, Daucus Carota Sativa Root Extract, Oryza Sativa Bran Extract, Solanum Lycopersicum Fruit/Leaf/Stem Extract.	Bánh/cục	Dùng ngoài	Khối lượng ≥100g	Bánh	1.000	
70	Sản phẩm làm trắng da, mờ nám tích cực	Water, Glycerin, Alpha-Arbutin, Butylene Glycol, Cetyl Ethylhexanoate, Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil, Glyceryl Stearate, Caprylic/Capric Triglyceride, Morus Alba Root Extract, Niacinamide, Sorbitan Stearate, Cetearyl Alcohol, 1,2-Hexanediol, Butyrospermum Parkii Butter, Sodium Hyaluronate, Brassica Oleracea Italica (Broccoli) Extract, Centella Asiatica Leaf Extract, Cyclopentasiloxane, Glycyrrhiza Uralensis (Licorice) Root Extract, Microcrystalline Wax, Polysorbate 60, Sorbitan Sesquioleate, Stearic Acid, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Althaea Rosea Root Extract, Arginine, Carbomer, Dimethicone, Ethylhexylglycerin, Fragrance, Citrus Paradisi (Grapefruit) Fruit Extract, Hydroxyethylcellulose, Illicium Verum (Anise) Fruit Extract, Natto Gum, Nelumbium Speciosum Flower Extract, Paeonia Suffruticosa Root Extract, Scutellaria Baicalensis Root Extract, Tocopheryl Acetate, Allantoin, Disodium EDTA, Hydrogenated Lecithin, Hydroxypropyl Cyclodextrin, Camellia Sinensis Callus Culture Extract, Nelumbo Nucifera Callus Culture Extract, Vitis Vinifera (Grape) Callus	Kem/gel/cream/lotion	Dùng ngoài	Thể tích ≥50ml	Hũ	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
71	Tinh chất làm trắng da	Water, Propylene Glycol, Ascorbic Acid, Arbutin, Hydroxyethylcellulose, Illicium Verum Fruit Extract, Citrus Paradisi Fruit Extract, Nelumbium Speciosum Flower Extract, Paeonia Suffruticosa Root Extract, Scutellaria Baicalensis Root Extract, Polysorbate 60, Brassica Oleracea Italica Extract, Perilla Frutescens Leaf Extract, Morus Alba Root Extract, Chaenomeles Sinensis Fruit Extract, Camellia Sinensis Leaf Extract, Althaea Rosea Flower Extract, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Sodium Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Fragrance, Disodium EDTA, Vitis Vinifera (Grape) Callus Culture Extract, Nelumbo Nucifera Callus Culture Extract, Panax Ginseng Callus Culture Extract, Camellia Sinensis Callus Culture Extract, Lysine HCL, Proline, Sodium Ascorbyl Phosphate, Acetyl Methionine, Theanine, sh-Oligopeptide-1, Hydrolyzed Pea Protein, Lecithin, Olea Europaea Fruit Oil, Phytosterols, Squalane, Butyrospermum Parkii Butter, Ceramide NP, Propanediol	Tinh chất/dung dịch/lotion	Dùng ngoài	Thể tích ≥30ml	Lọ	1.000	
72	Sản phẩm chống nắng, dưỡng trắng SPF 50+	Water, Cyclopentasiloxane, Ethylhexyl Methoxycinnamate, Butylene Glycol, Titanium Dioxide, Caprylic/Capric Triglyceride, Cetyl Ethylhexanoate, Betaine, 1,2-Hexanediol, Zinc Oxide, Dimethicone, Niacinamide, Polysorbate 60, Diethylamino Hydroxybenzoyl Hexyl Benzoate, Isoamyl p-Methoxycinnamate, Stearic Acid, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Silica, Aluminum Hydroxide, Cetyl PEG/PPG-10/1 Dimethicone, Bis-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl Triazine, Quaternium-18 Bentonite, Sodium Chloride, Fragrance, Tocopheryl Acetate, Glycerin, Hydrogen Dimethicone, Allantoin, Adenosine, Hydrogenated Lecithin, Sodium Hyaluronate, BHT,Centella Asiatica Leaf Extract, Ceramide NP, Tocopherol, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Althaea Rosea Flower Extract, Glycyrrhiza Uralensis (Licorice) Root Extract, Portulaca Oleracea Extract, Camellia Sinensis Callus Culture Extract, Nelumbo Nucifera Callus Culture Extract, Panax Ginseng Callus Culture Extract, Vitis Vinifera (Grape) Callus Culture Extract	Kem/gel/nhũ tương	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 50 ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	500	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
73	Sản phẩm rửa mặt kết hợp tẩy trang, làm sạch và dưỡng ẩm da	Water, Glycerin, Sodium Lauroyl Glutamate, Sodium Cocoyl Glutamate, Decyl Glucoside, 1,2-Hexanediol, Betaine, Lauryl Betaine, Ethylhexylglycerin, Sodium Chloride, Butylene Glycol, Glycine Soja (Soybean) Oil, Glyceryl Glucoside, Allantoin, Arginine, Disodium EDTA, Sapindus Mukorossi Fruit Extract, Glucose, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Canavalia Gladiata Seed Extract, Ceratonia Siliqua (Carob) Seed Extract, Dioscorea Japonica Root Extract, Glycine Soja (Soybean) Seed Extract, Lactobacillus Ferment Lysate, Laminaria Japonica Extract, Lens Esculenta (Lentil) Seed Extract, Phaseolus Radiatus Seed Extract, Pueraria Lobata Root Extract, Ulmus Davidiana Root Extract, Viola Mandshurica Flower Extract, Centella Asiatica Leaf Extract	Dung dịch/kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥250ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	500	
74	Sản phẩm cấp ẩm chuyên sâu	Water, Caprylic/Capric Triglyceride, Glycerin, Butylene Glycol, Cyclopentasiloxane, Hydrogenated Polyisobutene, Squalane, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Dimethicone, Glyceryl Stearate, Oenothera Biennis (Evening Primrose) Oil, 1,2-Hexanediol, Bis-PEG-15 Methyl Ether Dimethicone, Sorbitan Sesquioleate, Polyglyceryl-10 Laurate, Propanediol, Ethylhexylglycerin, Sodium Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Hydrogenated Olive Oil Unsaponifiables, Isohexadecane, Sodium Chloride, Hydroxyethylcellulose, Allantoin, Arginine, Tocopheryl Acetate, Polysorbate 80, Sodium Hyaluronate, Sorbitan Oleate, Hydrogenated Lecithin, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Althaea Rosea Flower Extract, Centella Asiatica Leaf Extract,Ceramide NP, Portulaca Oleracea Extract, Disodium Phosphate, Polysorbate 60, Nelumbo Nucifera Callus Culture Extract, Sodium Phosphate, Vitis Vinifera (Grape) Callus Culture Extract	Kem/gel/tinh chất/dung lịch/lotion	Dùng ngoài	Thể tích ≥30ml	Tuýp	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
75	Sản phẩm dưỡng ẩm, làm mềm da dành cho da khô, da rất khô, da thô ráp và nhạy cảm.	Water, Butylene Glycol, Glycerin, Caprylic/Capric Triglyceride, Urea, 1,2-Hexanediol, Betaine, Olea Europaea (Olive) Fruit Oil, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate, Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil, Stearic Acid, Hydrogenated Lecithin, Arginine, Carbomer, Ethylhexylglycerin, Tocopheryl Acetate, Behenic acid, Citric Acid, Salicylic Acid, Sodium Chloride, Xanthan Gum, Behenyl alcohol, Stearyl alcohol, Sodium Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Allantoin, Ceramide NP, Isohexadecane, Sodium Citrate, Sodium Hyaluronate, Myristic acid, Polysorbate 80, Centella Asiatica Leaf Extract, Portulaca Oleracea Extract, Sorbitan Oleate	Kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
76	Sản phẩm chống nắng, dưỡng trắng SPF40+	Water, Cyclopentasiloxane, Butylene Glycol, Ethylhexyl Methoxycinnamate, Cetyl Ethylhexanoate, Titanium Dioxide, Betaine, Dimethicone, Caprylic/Capric Triglyceride, Niacinamide, Polysorbate 60, Sodium Chloride, Zinc Oxide, Cetyl PEG/PPG-10/1 Dimethicone, Hydrogenated Lecithin, Aluminum Hydroxide, CI 77492, Diethylamino Hydroxybenzoyl Hexyl Benzoate, Isoamyl p-Methoxycinnamate, Quaternium-18 Bentonite, Stearic Acid, Bis-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl Triazine, CI 77491, Silica, Chlorphenesin, CI 77499, Tocopheryl Acetate, Talc, Fragrance, Phytosteryl/Octyldodecyl Lauroyl Glutamate, Behenic Acid, Allantoin,Adenosine, Hydrogen Dimethicone, Triethoxycaprylylsilane, Sodium DNA, 1,2-Hexanediol, BHT, Lauroyl Lysine, Centella Asiatica Leaf Extract, Sodium Hyaluronate, sh-Oligopeptide-1	Kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	500	
77	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe nâng cao sức đề kháng, giúp cải thiện tình trạng kém ăn, ăn không ngon, kém ngủ.	Yến sào + L-Lysine HCl+ Taurine+ Digezyme+ Thymomodulin (Maltodextrin (chất mang), + hỗn hợp enzym (alpha amylase, neutral protease, lactase, lipase, cellulase), nước)+ Vitamin B1 (Thiamin mononitrat)+ Vitamin B2 (Riboflavin) Vitamin B3 (Nicotinamid)+ Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	Dung dịch/nhũ dịch/hỗn dịch uống	uống	500mg+ 350mg 50mg+ 50mg +20mg + 4mg+ 2mg+ 2mg + 2mg Thể tích ≥ 10ml	gói	8.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
78	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường chức năng gan, giải độc gan, bảo vệ tế bào gan	Diệp hạ châu+ Cà gai leo+ Mật nhân+ Actiso +Bồ bồ +Bạch truật Ngũ vị tử Tương ứng hỗn hợp cao Cao Cardus Marianus (tương ứng Silymarin 70mg)+ Tinh chất nghệ (curcumin)	Viên nang	uống	1000mg +1000mg 1000mg +1000mg 1000mg +1000mg + 500mg 250mg 100mg +50mg.	Viên	50.000	
79	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp tăng cường sức đề kháng, ăn ngon	Thành phần trong 10ml: Zinc gluconate 45mg(tương đương Kẽm 6,41mg) Mangan gluconate (tương đương Mangan 1,24mg) Magie gluconate (tương đương Magie 0,58mg) Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	Dung dịch	uống	45mg+ 10mg+ 10mg+ 2mg+ 2mg, Hộp 20 gói x 10ml	gói/ống	30.000	
80	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe cải thiện nội tiết tố nữ	Vitamin C (Acid ascorbie) + Chiết xuất hoa anh đào (Sakura extract) + Chiết xuất hoa anh thảo (Oenothera biennis extract) + Chiết xuất Nam việt quất (Vaccinium oxycoccus extract) + L-Glutathion 98% + Chiết xuất sâm tố nữ (Pueraria mirifica extract) + Chiết xuất Maca (Lepidium meyenii extract) + Chiết xuất Trinh nữ (Chasteberry extract (Vitex agnus castus extract)) + Chiết xuất Thiên ma (Black cohosh extract (Cimicifuga racemose extract)) + Bột nhau thai cừu (Sheep placenta powder)	viên nang	uống	120mg + 50mg + 50mg+ 50mg +40mg+ 30mg + 30mg +20mg + 20mg + 20mg	Viên	30.000	
81	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung Collagen và các dưỡng chất hỗ trợ tăng cường sức khỏe cho da, móng, tóc.	L-Cystine+ Vitamin PP (Nicotinamide) + Pyridoxin HCL+ Vitamin C (Ascorbic acid) + Vitamin B5 (Calcium pantothenate)+ Riboflavin (dạng base) + Biotin+ Collagen	Viên nang	uống	60mg + 20mg + 2mg+ 25mg + 10mg + 2mcg + 250mcg +200mg,	viên	50.000	
82	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường tăng sức đề kháng, chống oxy hóa, hạn chế lão hóa da	L- Glutathion 98% + Vitamin C (L-Ascorbic Acid) + Collagen peptid (Ý) + Cao khô Cherry (Acerola Cherry extract) + Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetat) + Bột ngọc trai (Pearl powder)+ Hyaluronic acid+ Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) + Vitamin B2 (Riboflavin) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	uống	1000 mg + 250mg + 100 mg +25 mg + 20mg + 10mg + 5mg + 1 mg + 1 mg + 1 mg	Gói	10.000	
83	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ chống oxi hóa, bảo vệ da	400mg hỗn hợp bao gồm: Chiết xuất Dương xỉ (Polypodium Leucotomos Extract) + Trà xanh (Greent Tea) + Beta carotene + Lựu (Pomegranate (Punica Granatum))	viên	uống	250 mg +100mg + 1600IU+ 40mg	Viên	20.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
84	Sản phẩm dưỡng da, giữ ẩm	Aqua; Urea; Aloe barbadensis extract; Paraffinum Liquidum; Simmondsia chinensis seed oil; Ceteary alcohol; Glyceryl stearate; PEG-40 Stearate; Ceteareth-20; Glycereth-26; PEG-50 shea butter; Sodium acrylate/ Sodium acryloydimethyl taurate copolymer; Tocopheryl acetate; Phenoxythanol 0,9%	Kem/gel	Bôi ngoài da	Khối lượng≥ 100g	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
85	Sản phẩm tắm gội làm sạch gàu, góp phần ngăn ngừa rụng tóc	Purified water, Sodium laureth sulfate, Cocamidopropyl betaine, Glycerine, Acrylates copolymer, Climbazole 2%, Amodimethicone (and) Trideceth-12 (and) Cetrimonium chloride 1,5%, Zinc pyrithione 1%, Selenium sulfide 1%, Salicylic acid 1%, Sodium hydroxide 0,6%, Dimethiconol (and) TEA-Dodecylbenzenesulfonate, Phenoxyethanol 0,5%, Guar hydroxypropyltrimonium chloride, Sodium benzoate 0,25%, Fragrance.	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài da	2%+ 1.5%+1%+ 1%+1%+0.6%+ 0.5%+ 0.25%. Thể tích ≥120ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
86	Sản phẩm dưỡng da, cung cấp dưỡng chất, độ ẩm cho da	Purified Water, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil , Vitamin PP (Niacinamide), Retinol, C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Hyaluronic Acid, Dipotassium glycyrrhizate, SK- INFlux (Aqua (and) Carbomer (and) Cholesterol (and) Ceramide AP (and) Ceramide EOP (and) Ceramide NP (and) Methylparaben (and) Phytosphingosine (and) Propylparaben (and) Sodium Lauroyl Lactylate (and) Xanthan Gum) 0,1%, Chiết xuất Cúc La Mã (Matricaria chamomilla extract), Coenzyme Q10 (Ubiquinone), Fragrance, EHGP (Phenoxyethanol & Ethylhexylglycerin) 0,8%, TEA (Triethanolamine) 0,5%	serum/ nhũ tương/gel	Bôi ngoài da	Thể tích ≥ 30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
87	Sản phẩm dưỡng da, cung cấp dưỡng chất, độ ẩm cho da	Purified Water, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil , Vitamin PP (Niacinamide), Retinol, C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Hyaluronic Acid, Dipotassium glycyrrhizate, SK- INFlux (Aqua (and) Carbomer (and) Cholesterol (and) Ceramide AP (and) Ceramide EOP (and) Ceramide NP (and) Methylparaben (and) Phytosphingosine (and) Propylparaben (and) Sodium Lauroyl Lactylate (and) Xanthan Gum) 0,1%, Chiết xuất Cúc La Mã (Matricaria chamomilla extract), Coenzyme Q10 (Ubiquinone), Fragrance, EHGP (Phenoxyethanol & Ethylhexylglycerin) 0,8%, TEA (Triethanolamine) 0,5%	serum/ nhũ tương/gel	Bôi ngoài da	Thể tích ≥ 30ml	Lọ	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
88	Sản phẩm tắm gội vệ sinh da, giúp hỗ trợ làm giảm mụn, và loại bỏ dầu cho da	Glycerine (Propan 1,2,3- triol); Cetearyl acohol (Octandecanol); Cocamitdopropyl betain; Capric triglycride; Peg-40 hydrogenated castor oil (Peg - 40 hydrogenatid casto oil); Vitamin E (Tocopherol); Acid Salicylic 1%; Acid glyconic; Polyquartenium 10(Quaternized cellylose hydroxyethyl); Allotoin (Glyoxyldiureide); Vitamin D3 (Niacin); Vitamin B5 (Pantothenic acid); EDTA (Ethylendiamin tatraacetic acid); Xylishine (Pelvetia canaliculata extract; Nước khử ion (Deionized water)	nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài da	1% Thể tích ≥120ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
89	Sản phẩm làm sạch, loại bỏ bụi bẩn và chất nhờn trên da	Purified water; Polyethylene glycol 400; Cetearyl acohol;Sodium Lauryl Sulfate; Potassium sorbate 0,5%; Citric acid 0,5%;	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài da	0.5%; 0.5% Thể tích ≥200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
90	Sản phẩm làm mềm da, làm mờ các vết thâm sẹo, sẹo trên da, góp phần giữ ẩm cho da	Purified Water, Glycerin, Polyacrylate Crosspolymer-6, Sodium Acrylates Copolymer (and) Lecithin, Vitamin PP (Niacinamide), Chiết xuất Lô Hội (Aloe vera extract), Chiết xuất Hành Tây (Allium cepa extract), Chiết xuất Cúc Vàng (Chrysanthemum indicum extract), Chiết xuất Tảo Biển (Sargassum pallidum extract), Vitamin B5 (Panthenol), Vitamin E (Tocopherol), Collagen thủy phân (Hydrolyzed collagen), Fragrance, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, DMDM hydantoin 0.5%, Triethanolamine (TEA) 0.5%	Gel/kem/crea m	Bôi ngoài da	Khối lượng ≥15g	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
91	Sản phẩm dưỡng ẩm da, làm mềm da, giúp ngăn ngừa và làm giảm mụn	Purified water; Triethanolamine 15%; Glycerin; Propylene glycol; Glycolic acicl 8.0%; Ethanol; Salicylic acid 1.5%; Carbomer; Retinol; Methylparaben 0.1%; Propylparaben 0.02%	Gel/kem	Bôi ngoài da	5%; 0.4% Khối lượng ≥20g	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
92	Sản phẩm vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài	Purified Water, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Glycerine, Cocamide DEA 2.0%, Lactobacillus Ferment, D-Panthenol (Panthenol), Chiết xuất Lựu Đỏ (Punica granatum extract), Galactomyces Ferment Filtrate, Chiết xuất Trầu Không (Piper betle extract), Chiết xuất Tía Tô (Perilla frutescens extract), Chiết xuất Kim Ngân Hoa (Lonicera japonica flower extract), Menthol, Polyquaternium 7, PEG-120 Methyl Glucose Dioleate, Sodium Chloride, Sorbeth-60 Tetraoleate, Fragrance, Lactic Acid 0.5%, Phenoxyethanol & Ethylhexylglycerin 0.9%, Tetrasodium EDTA.	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
93	Sản phẩm dưỡng da, làm giảm mụn, làm mờ các vết thâm do mụn trên da	Purified Water, Glycerine, Cetearyl Alcohol (and) Glyceryl Stearate (and) PEG-40 Stearate (and) Ceteareth-20, Cetearyl Alcohol, Propanediol, Salicylic Acid, Sodium Hydroxide, Dipotassium Glycyrrhizate, Citrus Unshiu Peel Extract, Citrus Junos Seed Extract, Allantoin, Actinidia Chinensis (Kiwi) Seed Extract, Fragaria Chiloensis Extract, Vitis Vinifera (Grape) Leaf Extract, Vitis Vinifera (Grape) Seed Extract, Vitis Vinifera (Grape) Skin Extract, Garcinia Mangostana Peel Extract (VeryberyTM AcneCare) 2%, Betaine Salicylate 1%, D-Panthenol, Niacinamide, Hydrogenated Polydecene, Isopropyl palmitate, Phenoxyethanol 0,9%, o-Cymen-5-ol 0,1%, Disodium EDTA, Sodium Hyaluronate, Fragrance	Lotion/nhũ dịch/gel	Bôi ngoài da	2% Thể tích ≥ 30ml	Chai/lọ	2.000	
94	Sản phẩm chống nắng	Water, Ethylhexyl Methoxycinnamate 1,5%, sopropyl Myristate, Glycerin, Ethylhexyl Salicylate 5%, Titanium Dioxide 4,7%, Isoamyl p-Methoxycinnamate 3%, Butylene Glycol, Diethylamino Hydroxybenzoyl Hexyl Benzoate 2,5%, Niacinamide, Zinc Oxide 2%, Cetyl Alcohol, Stearic Acid, Polysorbate 60, 1,2-Hexanediol, Beeswax, Ethylhexyl Triazone 1%, Glyceryl Stearate, Dimethicone, Hydrolyzed Collagen, Eclipta Prostrata Extract, Lactobacillus Ferment Lysate, Galactomyces Ferment Filtrate, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Centella Asiatica Extract, Anthemis Nobilis Flower Extract, Sodium Hyaluronate, Tromethamine 0,2%, Carbomer, Fragrance, Adenosine, Disodium EDTA	Kem/gel	Bôi ngoài da	Thể tích ≥50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
95	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Dexpanthenol (Vitamin B5) + Biotin (Vitamin H)	Viên nang	uống	100mg+ 5mg	Viên	10.000	
96	Sản phẩm dưỡng da, ngừa mụn	Purified Water, Glycerin, Propylene glycol, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Salicylic Acid 2%, ZinC PCA 1%, Bakuchiol, TEA (Triethanolamine) 0,5%, EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid), Polyacrylate Crosspolymer-6, HEC (Hydroxyethylcellulose), Hyaluronic Acid, Xanthan gum, Butylene glycol, BHT (Butylated Hydroxytoluene), Phenoxyethanol & Ethylhexylglycerin 0,9%,	Serum/kem/gel	Bôi ngoài da	Thể tích ≥30ml	chai/lọ	1.000	
97	Sản phẩm chăm sóc da bị mụn cơm, mụn cóc, mụn, mắt cá chân, sùi mào gà, chai sừng chân tay.	Purified water ; Glycerin ; Acid lactic 10% Acid salicylic 2%; Propylen Glycol; Eisholtzia cristara Extract; Curcuma longa Extract; Sodium benzoate 0,2%; Fragrance; Ethylenediaminetetraacetic acid (ETDA)	Dung dịch/gel/hỗn dịch	Bôi ngoài da	10%+ 2% Thể tích ≥ 15ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
98	Sản phẩm trị ghẻ, trị ngứa, rận và làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Purified water; Glycerin; PEG 400 (Polyethylene slycol 400); Permethrin 5%; Polyquaternium 7 (đồng trùng hợp của acrylamit và diallyldimetylamoni clorua); Propylen Glycol; PEG-40 Hydrogenated Castor Oil; Sodium benzoate 0,2%; Cyrnbopogon citratus oil; Ethylenediaminetetraacetic acid (ETDA).	Dung dịch/gel/hỗn dịch	Xịt ngoài da	5% Thể tích ≥ 100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
99	Sản phẩm trị ghẻ, trị ngứa, rận và làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Purified water; Vasline; Glycerin; Cetyl alcohol; Permethrin 5%; Lanonin; Polyquatenium 10; Glyceryl Mono Stearat; PEG 40 Hydrogenatid Castor oil; Olea europaea oil (Dầu Oliu) Sodium benzoate; Ethylenediaminetetraacetic acid (ETDA)	Kem/gel	Bôi ngoài da	5%; Khối lượng ≥ 15g	Chai/lọ/tuýp /hộp	5.000	
100	Sản phẩm làm sạch da dầu mụn	Soap Noodles 87,8%,; Sulphonated Surfactant Blend 6,38%; ,Talc 3%; Sodium Lauryl Sulfate 2%; Glycerin 0,2%, Titanium Dioxide 0,2%, Disodium Edetate 0,1% , Butylated Hydroxytoluene 0,1%, Citric Acid 0,1% , Methylparapen 0,05%, Water 0,05%, Propylparaben 0,02%	Xà phòng	Dùng ngoài da	87,8%; 6,38%; 3%; 2%; 0,2%; 0,2%; 0,1%; 0,1%; 0,1%; 0,05%; 0,05%; 0,02% Khối lượng ≥ 75g	Bánh/cục	5.000	
101	Sản phẩm làm sạch da, tóc và giữ ẩm da	Water, Glycerin; Cetearyl Alcohol; Cocamidopropyl betaine; PEG-40 hydrogenated castor oil; Caprylic/capric triglyceride; Hydrogenated coconut oil; Glyceryl stearate; Tar oil; Tocopherol; Potassium hydroxide 0,01%; Chlorhexidine digluconate 0,01%; Cetrimonium chloride 0,01%; Potessium Sorbate 0,01%;	Kem tắm/sữa tắm/gel tắm/dung dịch	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	5.000	
102	Sản phẩm chăm sóc da, dưỡng ẩm	Purified Water, Vitamin PP (Niacinamide), Glycerin, Propylene Glycol, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Butylene Glycol, Chiết xuất Dâu Tằm (Morus Alba Extract), Chiết xuất Cúc Vàng (Chrysanthemum Incicum Extract), Chiết xuất Cam Thảo (Glycyrrhiza Uralensis Extract), EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid), Acrylate / C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Hyaluronic Acid, Fragrance, Phenoxyethanol & Ethylhexylglycerin 0,9%	Serum	Bôi ngoài da	Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
103	Sản phẩm làm sạch da, cấp ẩm	Purified water, Sodium laureth sulfaste, Sodium chloride, Glycerin, PEG -150 Distearate, Polysorbate 20, PEG-7 Glyceryl cocoate, Fragrance, Polytaquaternium-10, PEG 20 Methyl glucose ether, Panthenol, Water (and) Centaurea cyanus flower extract, Camelia japonica flower extract (and) Aloe barbadensis leaf extract (and) Opuntia coccinellifera fruit extract (and) Butylene glycol (and) Glycerin (and) Saccharomyces ferment (and) Aureobasidium Pullulans fement (and) 1,2-Hexanediol (and) Ethyl hexanediol, Water (and) Sodium hyaluronidate (and) Butylene glycol (and) Phenoxyethanol, Ceramid NP, DMDM Hydrantoin, Citric acid, o- Cymen-5-ol.	Kem/gel	Dùng ngoài	0,2%; 0,2%; 0,045%; 0,04% Thể tích ≥ 180ml	Chai/lọ	2.000	
104	Sản phẩm làm sạch da, cấp ẩm, ngăn ngừa và cải thiện tình trạng mẩn ngứa, rôm sảy, hăm da, viêm da	Purified water, Sodium laureth sulfaste, Sodium chloride, Glycerin, PEG -150 Distearate, Polysorbate 20, PEG-7 Glyceryl cocoate, Fragrance, Polytaquaternium-10, PEG 20 Methyl glucose ether, Panthenol, Water (and) Centaurea cyanus flower extract, Camelia japonica flower extract (and) Aloe barbadensis leaf extract (and) Opuntia coccinellifera fruit extract (and) Butylene glycol (and) Glycerin (and) Saccharomyces ferment (and) Aureobasidium Pullulans fement (and) 1,2-Hexanediol (and) Ethyl hexanediol, Water (and) Sodium hyaluronidate (and) Butylene glycol (and) Phenoxyethanol, Ceramid NP, DMDM Hydrantoin, Citric acid, o- Cymen-5-ol.	Gel/kem	Dùng ngoài	0,2%; 0,2%; 0,045%; 0,04% Thể tích ≥ 280ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
105	Sản phẩm chăm sóc da, dưỡng ẩm	Purified water, Butyrospemum parkii (shea) butter, , Prunus amygladus dulcis(sweet almond) oil, PEG -100 stearate (and) Glycerin stearate, Glycerin, Jojoba esters (and) Helianthus annuus (sunflower) seed wax (and) Acacia decumens flower wax (and) Polyglycerin 3, Dimethicole, Caprylic/Capric triglyceride, Cetearyl alcohol, Panthenol, Water (and) Sodium hyaluronate (and) Butylene glycol (and) Phenoxyethanol, Hydroxyethyl acryrate/Sodium acryloydimethyl taurate copolymer, Cetyl palmitate (and) Sorbital palmitate (and) Sorbitan olivate, Phenoxyethanol, PEG-40 Hydrogenated castor oil , Beta-Sitosterol, Water (and) Centaurea cyanus flower extract (and) Camelia japonica flower extract (and) Aloe barbadensis leaf extract (and) Opuntia coccinellifera fruit extract (and) Butylene glycol (and) Glycerin (and) Saccharomyces ferment (and) Aureobasidium Pullulans fement (and) 1,2-Hexanediol (and) Ethyl hexanediol, Tocopheryl acetate, Allantoin, Dipotassium Glycyrrhizate, Xanthan gum, ceramide NP, Citric acid, o- Cymen-5-ol, Fragrance	Kem/gel/dung dịch/nhũ dịch	Dùng ngoài	2,0%; 0,9%; 0,075%; 0,05% Khối lượng ≥ 50g	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
106	Sản phẩm làm sạch da dầu mụn	Purifred water, Sodium laureth sulfate, Glycerin, Water (and) Brass ica rapa subsp. Pekinensis extract (and) Salt (and) Cucumis satiws (Cucumber) fruit extract (and) Glycy nhiza glabrailicorice) root extract (and) Morinda citrifolia fruit extract (and) Coptis japonica root extract (and) Oryza sativa (Rice) extract, Cocamide DEA (Palm kemelamide DEA), PEG -150 Distearate, Capryloyl/Caproyl methyl glucamide (and) Lauroyl/Myristoyl methyl glucamide, PEG-40 Hydrogenated castor oi, Phenoxyethanol, Pragrance, Allatoin, Citric acid, Benzalkonium Chloride, o-cymem -5 -ol, Disodium EDTA	Kem/gel	Dùng ngoài	3,0%; 0,9%; 0,25%; 0,1%, 0,05% Thể tích ≥ 100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
107	Sản phẩm tắm gội giúp sạch gàu, và vảy da đầu, giúp ngăn ngừa ngứa đầu do nấm.	Purified water, Sodium laureth sulfate, decyl glucoside, Cocamidopropyl betaine, PEG-7 Glyceryl cocoate, PEG-150 Distearate, Propylene glycol, Cocamide DEA (Palm kernelamide DEA), Climbazole, Glycol distearate (and) Sodium laureth sulfate (and) Cocamide MEA, Glycerin, Ethoxydiglycol, Piroctone olamine, Guar hydroxypropyltrimoninum chloride, DMDM Hydantoin, Fragrance, Sodium benzoate, Polyquaternium -10, Citric acid, Disodium EDTA	Dầu gội	Dùng ngoài	2,0%; 2,0%; 1,0%; 1,0%; 0,6%; 0,2%; 0,08% Thể tích ≥75ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
108	Sản phẩm làm sạch da, kháng khuẩn, làm dịu da, phục hồi da bị hư tổn, làm mờ các vết thâm, sẹo trên da	Purified water, Glycerin, Allium Cepa (Onion) Bulb Extract (Chiết xuất hành Tây), Aloe Vera extract (Chiết xuất Lô Hội), Panthenol (Pro-vitamin B5), PEG -40 Hydrogenated Castor Oil, Colloidal Silver, Azadirachta Indica Leaf Extract (Chiết xuất lá Neem), Tetrahydrocurcumin (Tinh chất nghệ ứng dụng công nghệ nano), Phenoxyethanol, Carbomer, Triethanolamine, Allantoin, Tocopheryl Acetate (Vitamin E), Fragrance	gel/dung dịch	Dùng ngoài	0,9%; 0,65% Khối lượng ≥ 20g	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
109	Sản phẩm làm sạch da dầu mụn	Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate, Aqua, Sulfur, Salicylic Acid, Glycerin, Lauryl Glucoside, Sodium Chloride, Propylene Glycol, Cocos Nucifera (Coconut) Oil, Allantoin, Fragrance, Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Disodium Etidronate, Dehydroacetic Acid , Disodium EDTA	Xà bông	Dùng ngoài	2%; 0,5%; 0,09%, 0,08%; 0,05% Khối lượng ≥ 80 gam	Bánh/cục	3.000	
110	Sản phẩm làm sạch da	Aqua, Glycerin, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate, Sulfur, Glycolic Acid, Cocamidopropyl Betaine, Caprylic/Capric Triglyceride, Propylene Glycol, Aloe Barbadensis (Aloe Vera) Leaf Extract, Salicylic Acid, Allantoin, Tocopheryl Acetate, Fragrance, Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Dehydroacetic Acid, Potassium Hydroxide, Citric Acid	Kem/sữa/gel	Dùng ngoài	6%; 2%; 0,3%; 0,2%; 0,15%; 0,1%; 0,1% Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
111	Sản phẩm chăm sóc da khô, viêm da cơ địa	Aqua, Urea, Paraffinum Liquidum (Mineral Oil), Isopropyl Myristate, Glycerin, Cetearyl Alcohol, Propylene Glycol, Ceteareth-20, Glyceryl Stearate, Butyrospermum Parkii Butter, Dimethicone, Cyclopentasiloxane, Allantoin, Panthenol, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Chamomilla Recutita (Matricaria) Flower Extract, Parfum (Fragrance), Tetrasodium Edta	Kem/gel	Dùng ngoài	0,8% Thể tích ≥ 100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
112	Sản phẩm làm sạch da và tóc, cung cấp dưỡng chất cho da và tóc	Aqua, Caprylyl/Capryl Glucoside, Cocamidopropyl Betaine, Glycerin, Hydroxypropyl Guar, Cocamide Dea, Panthenol, Ceramide Np, Hyaluronic Acid, Butyrospermum Parkii Butter, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Helianthus Annuus Seed Oil Unsaponifiables, Citric Acid	Kem/gel	Dùng ngoài	0,8%; 0,2% Thể tích ≥ 200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
113	Sản phẩm chăm sóc da dưỡng ẩm	Aqua (Water), C10-18 Triglycerides, Octyldodecanol, Glyceryl Stearate Se, Cetearyl Alcohol, Olea Europaea (Olive) Fruit Oil, Sodium Benzoate, Xanthan Gum, Sodium Stearoyl Glutamate, Sodium Dehydroacetate, Lactic Acid, Aloe Barbadensis Leaf Juice Powder, Hydrolyzed Linseed Extract, Glycine Soja (Soybean) Oil, Tocopherol	Kem/gel	Dùng ngoài	0,5%; 0,2%; 0,184% Thể tích ≥ 50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
114	Sản phẩm tắm và gội, giúp làm sạch da và tóc khỏi bụi bẩn, cung cấp độ ẩm cho da	Aqua (Water), Sodium Cocoyl Glutamate, Caprylyl/Capryl Glucoside, Lactic Acid, Glycerin, Xanthan Gum, Sodium Chloride, Coco-Glucoside, Glyceryl Oleate, Parfum (Fragrance), Sodium Benzoate, Sodium Dehydroacetate, Citric Acid, Aloe Barbadensis Leaf Juice Powder, Sanguisorba Minor Extract, Prunus Amygdalus Dulcis (Sweet Almond) Fruit Extract, Tocopherol, Hydrogenated Vegetable Glycerides Citrate	Kem/gel	Dùng ngoài	1,12%; 0,5%; 0,2%; 0,15% Thể tích ≥ 180ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
115	Sản phẩm làm sạch da mặt	Aqua (Water), Calendula Officinalis Flower Water, Spiraea Ulmaria Flower Water, Decyl Glucoside, Sodium Cocoyl Glutamate, Benzyl Alcohol, Sodium Cocoamphoacetate, Citric Acid, Glycerin, Xanthan Gum, Sodium Chloride, Parfum (Fragrance), Ribes Nigrum (Black Currant) Bud Extract, Dehydroacetic Acid, Aloe Barbadensis Leaf Juice Powder, Potassium Sorbate, Sodium Benzoate	Kem/gel	Dùng ngoài	0,8961%; 0,2%; 0,0824%; 0,0004%; 0,0004% Thể tích ≥ 125ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
116	Sản phẩm chống nắng cho da	Aqua (Water), Glycerin, Dicaprylyl Carbonate, Ethylhexyl Methoxycinnamate, Butyl Methoxydibenzoylmethane, Ethylhexyl Triazone, Cetearyl Alcohol, Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol (nano), Ceteareth-25, Hydrogenated Polydecene, Octocrylene, Ceteareth-6, Potassium Cetyl Phosphate, Dimethicone, Oryza Sativa (Rice) Starch, CI 77891, Glyceryl Stearate, PEG-100 Stearate, Magnesium Aluminum Silicate, Phenethyl Alcohol, Stearyl Alcohol, Decyl Glucoside, Tocopheryl Acetate, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Xanthan Gum, Parfum (Fragrance), Allantoin, Disodium EDTA, Potassium Sorbate, Ethylhexylglycerin, Benzyl Benzoate, Propylene Glycol, Silica, Benzyl Alcohol	Kem/sữa/gel	Dùng ngoài	8,5%; 4,75%; 4,5%; 4,03%; 3,705% Thể tích ≥ 40ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
117	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da.	Sodium laureth sulfat, Methol, Eucalyptol, Polysorbat 80, Glycerin, Vaselin, Cetyl Alcohol, Permethrin, cồn, nipagin, nipasol, nước.	Gel/kem	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 15g	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
118	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da.	Natri laureth sulfat, Methol, Eucaliptol, polyethylen glycol, polysorbat 80, Permethrin, nước tinh khiết.	Dung dịch/hỗn dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 100 ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
119	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da.	Natri laureth sulfat, Methol, Eucaliptol, polyethylen glycol, polysorbat 80, Permethrin, nước tinh khiết.	Dung dịch/hỗn dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 150 ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
120	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da, tóc.	Sodium laureth sulfat, Sodium Cacboxymethyl cellulose, glycerin, cocamidopropyl betain, Natri clorid, polyquaterium 10, polysorbat 80, Permethrin, Tetra sodium EDTA, Tocopherol, acid oleic, Natri benzoate, Methyl Paraben, Propyl paraben, Span 80, Hương, nước tinh khiết	Kem/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 120ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
121	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ dưỡng da tóc móng	Trong 1 viên nang chứa: L cystine 400mg, Collagen tuýp I 100mg, Kẽm Gluconate 35mg, Vitamin C 25mg, vitamin E 15 IU, Biotin 500mcg.	Viên	Uống	400mg, 100mg, 35mg, 25mg, 500mcg	Viên	30.000	
122	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tốt cho da, tóc, móng	Trong 2 viên nang cứng (1006 mg) chứa: L-cystine: 500 mg, Collagen peptide (từ bò, chứa 90% protein): 150 mg (chứa 135mg protein) , Kẽm : 20mg (kẽm gluconat 150,4 mg), D-Biotin (Vitamin H): 500mcg	Viên	Uống	250mg	Viên	30.000	
123	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe làm sáng da, giảm nguy cơ lão hóa da	Trong 2 viên nang cứng chứa: Glutathion dạng khử: 500 mg; Chiết xuất khô rễ Dương xi (P.leucotomos) 4/1: 100mg; L-cystin: 100 mg, Collagen thủy phân: 100mg; Axit Lipoic: 50 mg, Coenzyme Q10: 10 mg, Vitamin C (axit ascorbic): 25 mg; Vitamin E (tocopherol acetate): 50 IU	Viên	Uống	250mg, 50mg, 50mg, 50mg, 25mg, 5mg, 50 IU	Viên	30.000	
124	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ ăn ngon, giúp tăng cường đề kháng cho cơ thể	Trong 10ml hỗn dịch chứa: thymomodulin 60mg, Beta glucan 80% 50mg (tương đương beta glucan 40mg), Vitamin C 41,67mg, kẽm Gluconate 16,67mg (tương đương 2,37mg Kẽm)	dung dịch/hỗn dịch//nhũ dịch uống	Uống	Thể tích ≥ 120ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
125	Sản phẩm hỗ trợ tăng đề kháng	Trong 1 viên chứa: Thymomodulin 100mg, Beta Glukan 30mg, Kẽm Gluconate 20mg, Vitamin B1, B2, B5	Viên	Uống	100mg, 30mg, 20mg	Viên	30.000	
126	Sản phẩm rửa mặt làm sạch	Aqua, Caprylyl/Capryl Glucoside, Coco-Glucoside, Hamamelis Rosmarinus Officinalis Leaf Extract, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Phenoxyethanol, Panthenol, Parfum, Alcohol Denat, Polyglyceryl-3 Caprylate, Polyglyceryl-4 Caprate, Zinc PCA, Arginine, Hippophae Rhamnoides Kernel Extract, Helianthus Annuus Seed Oil, p-Anisic Acid, Aloe Barbadensis Leaf Juice Powder, Bisabolol, Glyceryl Laurate, Pantolactone, Beta-Carotene, Citric Acid, Rosmarinus Officinalis Leaf Extract	Gel/dung dịch	Dùng ngoài	0.6%; 0.6% Thể tích ≥ 150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
127	Sản phẩm chăm sóc da, dưỡng ẩm dành cho da khô, da nhạy cảm	Water/Aqua, Glycerin, Propanediol, Myristoyl/Palmitoyl Oxostearamide/Arachamide MEA, Caprylic/ Capric Triglyceride, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Alcohol, Glyceryl Stearate, Polyglyceryl -10 Distearat, Vitis Vinifera (Grape) Seed oil, Sorbitan Stearate, Portulaca Oleracea Extract, Dimethicone, Hydrogenated Vegetable Oil, Olea Europaea (Olive) Fruit Oil, Tocopheryl Acetat, Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil, Phytosterols, Carbomer, Caprylyl Glycol, 1,2-Hexanediol, Arginine, Tropolone, Stearic Acid, Allantonin, Fragance, Sodium Hyaluronate	Kem/gel	Dùng ngoài	4.2%; 4%; 1.5%; 1%; 0.5%; 0.5%; 0.5%; 0.03% Thể tích ≥ 30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
128	Sản phẩm làm sạch da và dưỡng ẩm da, dùng cho da khô và da nhạy cảm	Water, Acrylates Copolymer, Caprylic/Capric Triglyceride, Sodium Lauryl Sulfate, Sodium Laureth Sulfate, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Triethanolamine, Glycerin, Styrene/VP Copolymer, Phenoxyethanol, Chlorphenesin, Fragrance, Anastatica Hierochuntica Extract, Butylene Glycol, Ceramide, Disodium EDTA, Allantoin, Panthenol, Propanediol, 1,2-Hexanediol, Sodium Hyaluronate, Vanilla Planifolia Fruit Extract, Phyllanthus Emblica Fruit Extract, Juniperus Communis Fruit Extract, Cynanchum Atratum Extract, Hydrolyzed Hyaluronic Acid, Ethylhexylglycerin, Sodium Acetylated Hyaluronate	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	10%; 3%; 1%; 0.08%; 0.03% Thể tích ≥ 150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
129	Sản phẩm làm sạch da, giảm lượng dầu thừa trên da	Sodium Palmate/ Sodium Palm Kernelate, Sulfur, Salicylic acid, Glycerin, Water, Sodium Chloride, Allantoin, Olive Oil, Jojoba Oil, Apricot Kernel extract, Aloe vera leaf extract, Glycyrrhiza glabra extract, Paeonia lactiflora root extract, Perfume	xà phòng	Dùng ngoài	10%; 2% Khối lượng ≥ 85g	Hộp/Bánh/cục	2.000	
130	Sản phẩm làm sạch da, làm mờ các vết thâm, giảm thâm sẹo	Purified Water, Cellullose Gum, Panthenol, Azadirachta Indica Exract (Dịch chiết Xoan Ấn Độ), Aloe Vera Extract (Dịch chiết Lô Hội), Melaleuca Alternifolia Esential Oil (Tinh dầu Tràm Trà), Chamomilla Recutita Flower Extract (Dịch chiết Hoa Cúc La Mã), Chitosan, Colloidal Silver, Menthol, Fragrance	Gel/kem/nhũ tương/mỡ	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 25g	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
131	Sản phẩm chống nắng cho da dầu, nhạy cảm	Aqua, Diethylamino hydroxybenzoyl hexyl benzoate, Ethylhexyl methoxycinnamate, Cetearyl alcohol, Caprylic/Capric Triglyceride, Ethylhexyl Triazone, Bis-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl Triazine, Titanium Dioxide, Phenoxyethanol, Peg-20 Stearate, Oryza Sativa Bran Oil, Prunus Amygdalus Dulcis Oil, Cetoleth-10, Ceteareth-2, Sodium Carbomer, Disodium Edta, Disodium Edta, Lecithin, Tocopherol, Ascorbyl Palmitate, Citric Acid	Kem/gel	Dùng ngoài	10%, 10%, 2%, 2% Thể tích ≥ 50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
132	Sản phẩm giúp dưỡng ẩm cho da, dưỡng trắng da, giúp da mềm mịn	Aqua, Propylene Glycol, Panthenol, Sodium Hyaluronate, 1,2 - Hexanediol, Caprylyl Glycol, Phenoxyethanol, Hydroxyethylcellulose, PPG-1-PEG-9 Lauryl Glycol Ether	Serum/gel	Dùng ngoài	0.099%; 0.9%; 0.800% Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
133	Sản phẩm giúp dưỡng ẩm cho da, dưỡng trắng da, giúp da mềm mịn	Aqua, Niacinamide, Propylene Glycol, Zinc PCA, Phenoxyethanol, Hydroxyethylcellulose, PPG-1-PEG-9 Lauryl Glycol Ether	Serum/gel	Dùng ngoài	1%; 0.9%; 0.8% Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
134	Sản phẩm chăm sóc da cấp ẩm, căng bóng	Caprylic/Capric Triglyceride, Squalane, Retinyl Palmitate, Helianthus Annuus Seed Oil, Tocopheryl Acetate, Retinol, Polysorbate 20, BHT, Tocopherol	Serum/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
135	Sản phẩm chăm sóc da dầu mụn	Aqua, Alcohol Denat, Glycerin, Capryloyl/Caproyl Methyl Glucamide, Niacinamide, Salicylic Acid, Capryloyl/Caproyl Anhydro Methyl Glucamide, Panthenol, Polyacrylate Crosspolymer-11, Ammonium Acryloyldimethyltaurate/VP Copolymer, Melaleuca Alternifolia Leaf Oil	Serum/gel	Dùng ngoài	2%; Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
136	Sản phẩm chăm sóc da mặt dưỡng ẩm, trắng mịn	Aqua, Sodium Ascorbyl Phosphate, Citric Acid, Potassium Sorbate, Sodium Benzoate	Serum/gel	Dùng ngoài	0.19%; 0.38% Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
137	Sản phẩm chăm sóc da mặt	Aqua, Glycerin, Propylene Glycol, Butylene Glycol, Phenoxyethanol, Hydroxyethylcellulose, PPG-1-PEG-9 Lauryl Glycol Ether, Carbomer, Sodium lactate, Polysorbate 20, Palmitoyl Tripeptide-1, Palmitoyl Tetrapeptide-7	Serum/gel	Dùng ngoài	0.9%; 0.1% Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
138	Sản phẩm giúp làm sạch da mặt	Aqua, Cocamidopropyl Betaine, Glycerin, Niacinamide, Hydroxyethylcellulose, Sodium Chloride, Phenoxyethanol, Sodium Hyaluronate, Ceramide NP, Ceramide AP, Ceramide EOP, Phytosphingosine, Cholesterol, Sodium Lauroyl Lactylate, Carbomer, Xanthan Gum, Ethylhexylglycerin	Gel/dung dịch	Dùng ngoài	2%; 0.9037%; 0.002% Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
139	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, tăng cường miễn dịch.	Thymomodulin, Lysine, Vitamin C (acid ascorbic), Kẽm gluconat, Vitamin B6 (Pyridoxin HCl), Vitamin B1 (Thiamin mononitrat), Vitamin B2 (Riboflavin)	viên	uống	65mg, 50mg, 30mg, 4mg, 0.6mg, 0.5mg; 0.5mg	viên	20.000	
140	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ bảo vệ tế bào gan	Arginine HCl, Silymarin, Cao actiso, Cao bồ công anh, Cao diệp hạ châu, Cao cà gai leo, Vitamin B1 (Thiamin mononitrat), Vitamin B6 (Pyridoxin Hydrochlorid)	viên nang	uống	100mg, 80mg, 65mg, 30mg, 30mg, 30mg, 1.5mg, 1.5mg	viên	20.000	
141	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ giảm nám sạm da, cho da sáng mịn, giúp tóc, móng chắc khỏe	L – cystin, Kẽm gluconat, Collagen peptide, Vitamin B6 (Pyridoxin HCl), Vitamin B6 (Pyridoxin HCl), Biotin	viên nang	uống	300mg, 50mg, 30mg, 3mg, 3mg, 1000mcg	viên	20.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
142	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ giảm các triệu chứng sạm da, khô da, giúp làm đẹp da.	L-Cystine, Kẽm gluconate, Vitamin E (Dl-alpha tocopheryl acetate), Vitamin B5 (Canxi pantothenate), Vitamin B6 (Pyridoxin Hydroclorid)	viên nang	uống	500mg, 50mg, 10mg, 5mg, 5mg	viên	20.000	
143	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ dưỡng da, tóc móng chắc khỏe	L-cystin, Kẽm gluconat,Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetat), Vitamin B5 (Calcium pantothenat), Vitamin B6 (Pyridoxin HCl)	viên nang	uống	500mg, 50mg, 10mg, 5mg, 4mg	viên	20.000	
144	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ giảm sạm da, giảm tóc gãy rụng, giúp chắc khoẻ móng.	L-Cystine, Kẽm oxide, Pyridoxin HCl (Vitamin B6), Biotin	viên nang	uống	250mg, 3.125mg, 1.7mg, 25mcg	viên	20.000	
145	Thực phẩm đẹp da chống nắng, mờ nám	L-Glutathione 50%, Chiết xuất lá khô dương xỉ (Polypodium leucotomos) (1:10), Acid alpha lipoic, Vitamin C (Ascorbic acid)	viên nang	uống	500mg, 125mg, 35mg, 20mg	viên	20.000	
146	Sản phẩm chăm sóc da khô, nứt nẻ	Aqua, Urea 25%, Lanolin Cera, Petrolatum, C12-15 Akyl Benzoat, Cera Alba, Dimethicone, Glycerin, Acrylates Copolymer, Parfum, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Triethanolamine	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Aqua, Urea 25%, Lanolin Cera, Petrolatum, C12-15 Alkyl Benzoate, Cera Alba, Dimethicone, Glycerin, Acrylates Copolymer, Parfum, Phenoxyethanol, Ethylhexyglycerin, Triethanolamine	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
147	Sản phẩm chăm sóc da, dưỡng ẩm	Aqua, Paraffinum Liquidum, Urea 10%, Cetearyl Alcohol, Glycerin, Stearic Acid, Triethanolamine, Butyrospermum Parkii (Shea Butter), Olea Europaea (Olive) Fruit Oil, Phenoxyethanol, Parfum, Carica Papaya (Papaya) Fruit Juice, Ethylhexylglycerin.	Tuýp	Dùng ngoài	Aqua, Paraffinum Liquidum, Urea 10%, Cetearyl Alcohol, Glycerin, Stearic Acid, Triethanolamine, Butyrospermum Parkii (Shea Butter), Olea Europaea (Olive) Fruit Oil, Phenoxyethanol, Parfum, Carica Papaya (Papaya) Fruit Juice, Ethylhexylglycerin	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
148	Sản phẩm giúp làm sạch da, giảm lượng dầu thừa trên da, giữ ẩm và cân bằng độ ẩm cho da	Purified Water, Sodium Laureth Sulfate, Sulfur, Cocamidopropyl Betaine, Lauryl Glucoside, Glycolic Acid, Magnesium Chloride, Alcohol Denat, Salicylic Acid, Polysorbate 80, Propylene Glycol, Aloe Barbadensis (Organic Aloe vera) Leaf Juice, Zingiber Officinale (Ginger) Root Extract, Alkanna Tinctoria Root Extract, Zinc PCA, Allantoin, Sodium PCA, Phenoxyethanol, Benzoic Acid, Dehydroacetic Acid, Ethylhexylglycerin, Glycerin, Fragrance, Polyquaternium-10, Citric Acid, Disodium EDTA, Cucumis (Cucumber) Sativus Fruit Extract	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
149	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Sodium Laureth Sulfate, Menthol, Eucalyptol, Polysorbat 80, Glycerin, Vaselin, Cetylalcohol, Permethrin, Cồn, Nipagin, Nipasol, Span 80, Light Liquid Paraffin, Sáp ong trắng (Beeswax), nước.	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	5%; Khối lượng ≥20g	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
150	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Sodium Laureth Sulfat, Menthol, Eucalyptol, Polyethylen Glycol, Polysorbat 80, Permethrin, Cồn, Glycerin, Nước tinh khiết, Span 80, Propylen Glycol	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	5%; Thể tích ≥ 105ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
151	Sản phẩm vệ sinh, làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Sodium Laureth Sulfat, Menthol, Eucalyptol, Polyethylen Glycol, Polysorbat 80, Permethrin, Cồn, Glycerin, Nước tinh khiết, Span 80, Propylen Glycol	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	5%; Thể tích ≥155ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
152	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, tăng cường miễn dịch.	Albumin 200mg, L-Lysine.HCL 30mg, L-Arginine.HCL 22,5mg;L-Citrulline-malate 20mg, Coenzyme Q10 10mg; L - cystine 12,5mg; Methionine 10mg	Viên	Uống	Albumin 200mg, L-Lysine.HCL 30mg, L-Arginine.HCL 22,5mg;L-Citrulline-malate 20mg, Coenzyme Q10 10mg; L - cystine 12,5mg; Methionine 10mg	Viên	20.000	
153	Thực phẩm tăng cường chức năng gan	L-Glutathione 500mg; Vitamin C 100mg; Silymarin 50mg; Kẽm 15 mg; Vitamin B1 2mg; Vitamin B2 2mg	Viên nang	Uống	L-Glutathione 500mg; Vitamin C 100mg; Silymarin 50mg; Kẽm 15 mg; Vitamin B1 2mg; Vitamin B2 2mg	Viên	10.000	
154	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường miễn dịch	Bột albumin từ trứng 1000mg; L-Leucine 40mg; L-isoleucine 20mg; L-Valine 20mg; Vitamin B6 5,6mg	Viên	Uống	Bột albumin từ trứng 1000mg; L-Leucine 40mg; L-isoleucine 20mg; L-Valine 20mg; Vitamin B6 5,6mg	Viên	10.000	
155	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường tuần hoàn não	Ginkgo biloba 120mg, Cao đinh lăng 10mg, Coenzyme Q10 5mg, Vitamin B1 5mg, Vitamin B6 5mg, Citicoline Sodium 1000mcg, Nattokinase 100FU	Viên nang	Uống	Ginkgo biloba 120mg, Cao đinh lăng 10mg, Coenzyme Q10 5mg, Vitamin B1 5mg, Vitamin B6 5mg, Citicoline Sodium 1000mcg, Nattokinase 100FU	Viên	10.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
156	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe tăng cường sức khỏe gan, hỗ trợ giải độc gan	Thành phần hàm lượng trong 1 viên nang cứng: Cao kế sữa (Silybum Marianum L.) 250mg (tỷ lệ chiết 38:1) tương ứng Silymarin 200mg; Chiết xuất lá Atisô (Cynara scolymus L.) 50mg ((tỷ lệ chiết 6:1); Chiết xuất lá cây hương thảo (Rosmarinus officinalis L.) 50mg (tỷ lệ chiết 4:1); Chiết xuất gừng (Zingiber officinale L.) 50mg (tỷ lệ chiết 4:1).	viên nang	Uống	Cao kế sữa (Silybum Marianum L.) 250mg (tỷ lệ chiết 38:1) tương ứng Silymarin 200mg; Chiết xuất lá Atisô (Cynara scolymus L.) 50mg ((tỷ lệ chiết 6:1); Chiết xuất lá cây hương thảo (Rosmarinus officinalis L.) 50mg (tỷ lệ chiết 4:1); Chiết xuất gừng (Zingiber officinale L.) 50mg (tỷ lệ chiết	Viên	10.000	
157	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung lợi khuẩn đường ruột	Trong 01 gói 2g chứa: Lactobacillus rhamnosus 7 x 10^9 CFU Bifidobacterium breve 5 x 10^9 CFU Bifidobacterium animalis ssp. Lactis 4 x 10^9 CFU Lactobacillus reuteri 3 x 10^9 CFU Lactobacillus acidophilus 1 x 10^9 CFU Vitamin C (dạng Ascorbic acid) 3mg Kẽm oxid 0,3mg	Cốm/hạt pha uống	Uống	Trong 01 gói 2g chứa: Lactobacillus rhamnosus 7 x 10^9 CFU Bifidobacterium breve 5 x 10^9 CFU Bifidobacterium animalis ssp. Lactis 4 x 10^9 CFU Lactobacillus reuteri 3 x 10^9 CFU Lactobacillus acidophilus 1 x 10^9 CFU Vitamin C (dạng Ascorbic acid) 3mg Kẽm oxid 0,3mg	Gói	10.000	
158	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung vitamin D3	vitamin D3	Siro	Uống	400iu/ giọt	Chai/lọ	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
159	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng cường sức khỏe tim mạch	Coenzyme Q10	Viên nang	Uống	30mg/viên	Viên	10.000	
160	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hỗ trợ tim mạch	Coenzyme Q10	Viên nang	Uống	100mg/viên	Viên	10.000	
161	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung calci, vitamin và khoáng chất	Thành phần hàm lượng trong 2 viên nang: Calcium carbonate 1200mg (Calcium 480mg) Inulin 20mg Magnesium oxide 8mg (Magnesium 4mg) Vitamin D3 (Cholecalciferol) 20µg Kẽm oxide 7mg (Kẽm 5mg).	Viên nang	Uống	Calcium carbonate 1200mg (Calcium 480mg), inulin 20mg, Magnesium oxide 8mg (Magnesium 4mg), Vitamin D3 (Cholecalciferol) 20µg, Kẽm oxide 7mg (Kẽm 5mg).	Viên	20.000	
162	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung lợi khuẩn đường ruột	Bacillus clausii 2,5 x 10^9 CFU Kẽm gluconate (tương đương 1 425mcg Kẽm) 10mcg	Dung dịch/Hỗn dịch//nhũ dịch uống	Uống	Bacillus clausii 2,5 x 10^9 CFU Kẽm gluconate (tương đương 1,425mcg Kẽm) 10mcg	Ống/lọ/gói	20.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
163	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung vitamin và khoáng chất	Trong 1 viên nang mềm chứa: Dicalcium phosphat (tương đương 100mg Canxi) 340mg, Cao nhân sâm 30mg, Sắt fumarate (tương đương 9.8mg Sắt) 30mg, Lutein 20% 20mg, Nicotinamide 18mg, Magie oxid (tương đương 10mg Magie) 17mg, Kẽm gluconate (tương đương 2mg Kẽm) 14mg, Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetat) 8IU, Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) 2mg, Vitamin B2 (Riboflavin) 2mg, Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 1mg, Acid folic 200mcg, Biotin 150mcg, Selene 2000ppm 50mcg, Vitamin D3 (Cholecalciferol) 200IU, Đồng gluconate 5mcg.	Viên nang	Uống	Dicalcium phosphat (tương đương 100mg Canxi) 340mg, Cao nhân sâm 30mg, Sắt fumarate (tương đương 9.8mg Sắt) 30mg, Lutein 20% 20mg, Nicotinamide 18mg, Magie oxid (tương đương 10mg Magie) 17mg, Kẽm gluconate (tương đương 2mg Kẽm) 14mg, Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetat) 8IU, Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) 2mg, Vitamin B2 (Riboflavin) 2mg, Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 1mg,	Viên	30.000	
164	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hỗ trợ tim mạch	Coenzym Q10	Viên nang	Uống	30mg /viên	Viên	10.000	
165	Sản phẩm chăm sóc da, cấp ẩm	Urea, PEG-100 Stearate, Glyceryl Stearrate, Aloe Vera Extract, Dimethicone, Hyaluronic Acid,Propanediol, Hydrogenate Polysobutene	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 100 g	Tuýp	2.000	
166	Sản phẩm chăm sóc da trị mụn	Purified Water, Nelumbo Nucifera Leaf Extract, Camellia Sinensis Leaf Extract, Psidium Guajava Leaf Extract, Angelica Gigas Extract, Butylene Glycol, Centella asiatica extract, Glycerin, Niacinamide, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Phenoxyethanol, Sodium Hyaluronate, Carbomer, Fragrance.	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch/serum	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 20ml	Chai	1.000	
167	Sản phẩm làm sạch da, tẩy tế bào chết	Nước tinh khiết,cellulose,glyserin, chiết xuất anh đào Coneliam,chiết xuất cám gạo(1000ppm),allantoin,ure,alginate, chiết xuất ngải cứu	Gel/kem/dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 90ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
168	Sản phẩm chăm sóc trắng da, mờ thâm nám	Glutathione, Axit tranexamic, Alpha Bísabolol(chiết xuất cây dướng nhỏ), Gai biển trắng, Adenosin…	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 50ml	Hộp	1.000	
169	Sản phẩm chống nắng	Chiết xuất Bơ, chiết xuất Hương thảo, Tetrahydrocur-cumin, Fragrance, Glutathione, Chiết xuất nhau thai cừu, Collagen…	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 50g	Hộp	1.000	
170	Sản phẩm làm sạch da viêm, kích ứng cho trẻ	Gồm 7 loại dầu thơm chứa axit béo Omega không bão hòa: dầu hướng dương, dầu dừa, bầu bơ, dầu hạt lanh, dầu macadamia, dầu ô liu, dầu argan.	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 180ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
171	Sản phẩm chăm sóc da kích ứng, viêm da cơ địa	Glycerophosphoinositol (GPI choline) salts of Choline, ZinC Oxide, Glycerin, Allantoin, Tocopheryl Acetate	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 20g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
172	Sản phẩm làm mờ sẹo mụn, mờ thâm	Epitensive, Ganoderma Lucidum Extra, GAG, Allium Cepa, Vitamin B3, Hyaluronic, Pionin	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch	Dùng ngoài	Khối lượng ≥10g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
173	Dầu gội sạch gàu, giảm nấm ngứa	Nước Tinh khiết, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Laureth Sulfate, Sodium Cocamphoacetate, Chiết xuất Kim ngân, Chiết xuất Bồ Kết, Chiết xuất Hương Nhu, Chiết xuất trà xanh, Chiết xuất cỏ mần trầu, Nano bạc, Glycerin,Climbazole(1%), Phenoxyl Ethanol, Hydrolyzed Keratin, Tinh dầu vỏ bưởi,....	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 100ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
174	Sản phẩm làm sạch, làm mát da, chăm sóc và bảo vệ da	Nước tinh khiết, Grycerin, Propylene Glycol. Acrylates Copolymer, Dipotassium Glycyrrhizate, Chiết xuất Hoàng Liên, chiết xuất hạt hướng dương, Chiết xuất Yến mạch, ….	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 300ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
175	Xà phòng làm sạch và tẩy nhờn da	Sulfur 10%, Salicylic Acid 2%, Glycolic Acid….	Bánh xà phòng	Dùng ngoài da	Khối lượng ≥ 50g	Chai/lọ/tuýp /hộp	3.000	
176	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe làm trắng da,thải độc cơ thể, cải thiện chức năng gan	Glutathion 500mg, Arginine 50mg, Kẽm 20mg, Vitamin C 15mg, Inositol 10mg, Coenzym Q10 5mg	Viên nang	Uống	viên	Viên	5.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
177	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Thymomodulin 100mg,Vitamin C 60mg, L- Lysine HCL 60mg, Taurin 50mg, Bột tỏi đen 40mg, Beta-Glucan 20mg,Cholin bitartat 20mg, Cao cơm cháy 20mg, Cao đại thanh diệp 20mg, Cao bạch quả 20mg, Vitamin B6 5mg, Vitamin B1 4mg, Vitamin B2 4mg...	Viên nang	Uống	viên	Viên	10.000	
178	Thực phẩm hỗ trợ tăng cường sức khỏe	Thymomodulin 45mg, Vitamin C 30mg, Kẽm Gluconate 20mg	Dung dịch/Hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống	Ống	5.000	
179	Sản phẩm trị ghẻ, trị ngứa, rận và làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Chrysanthemum cinerariaefolium Vis. Asteraceae flower extract (Dịch chiết Hoa cúc), Eucalyptus leaf Extract (Dịch chiết lá Bạch đàn), Melicope pteleifolia leaf Extract (Dịch chiết Ba chạc), Pipe Betle leaf Extract (Dịch chiết lá Trầu không), Annona squamosa seed Extract (Dịch chiết hạt Na), Natribenzoat, Vasline, Glycerin, Cetyl alcohol, Purified water.	Kem/gel	Dùng ngoài da	Khối lượng ≥ 15 g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
180	Sản phẩm trị ghẻ, trị ngứa, rận và làm sạch các loại kí sinh trùng trên da	Chrysanthemum cinerariaefolium Vis. Asteraceae flower extract (Dịch chiết Hoa cúc), Eucalyptus leaf Extract (Dịch chiết lá Bạch đàn), Melicope pteleifolia leaf Extract (Dịch chiết Ba chạc), Pipe Betle leaf Extract (Dịch chiết lá Trầu không), Annona squamosa seed Extract (Dịch chiết hạt Na), Natribenzoat, Vasline, Glycerin, Cetyl alcohol, Purified water.	Xịt ngoài da	Dùng ngoài da	Thể tích ≥ 120ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
181	Sản phẩm chăm sóc răng miệng	Lidocain hydroclorid, Chamomile Flower Extract (Dịch chiết hoa cúc), Lonicera Japonica Extract (Dịch chiết kim ngân), Mono Ammonium Glycyrrhizinate (dịch chiết cam thảo)	Gel/kem	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 10g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
182	Sản phẩm chăm sóc răng miệng cho trẻ	Propolis (keo ong) + Chiết xuất trà xanh + Natri chloride + Natri flouride	Dung dịch/gel	Dùng ngoài	(0,1mg + 0,5mg + 9,0mg + 0,2mg)/ml. Thể tích ≥ 350 ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
183	Sản phẩm chăm sóc răng miệng	Metronidazol benzoat, Chlorhexidin gluconat	Gel/kem	Dùng ngoài	(16mg +0,5mg)/g. Khối lượng ≥ 20g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
184	Sản phẩm chăm sóc răng miệng	Chlorhexidine digluconate + Sodium fluoride	Dung dịch	Dùng ngoài	0,12% + 0,05%. Thể tích ≥ 500ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
185	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ tăng chiều cao	Calci hydroxyapatid, polydextrose (FOS), Vitamin D3, vitamin K2	Thạch	Nhai	(376,63 mg + 50mg + 200IU + 22,5mcg). Khối lượng ≥15g	Gói	8.000	
186	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung sắt, vitamin và khoáng chất	Lipofer® Na Dispersible (tương đương 15mg Sắt), Fructooligosaccharides, Vitamin B2, Acid folic (Vitamin B9), Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	Thạch	Nhai	172mg + 112,5mg + 0,75mg + 225mcg + 1,5 mcg. Khối lượng ≥15g	Gói	8.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
187	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung calci, vitamin và khoáng chất	Calci hydroxyapatide, Fructose oligosaccharide, Taurin, Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin E, Vitamin K2 MK7, Vitamin D3	Thạch	Nhai	515mg + 50mg + 35mg + 0,4mg + 0,4mg + 0,3mg + 12,5 mg + 100IU. Khối lượng >15g	Gói	8.000	
188	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe cải thiện độ ẩm, tăng cường độ đàn hồi cho da	Hydrolyzed Collagen, Vitamin C, Hydroxytyrosol 20% (Chiết xuất từ Oliu), Natri hyaluronate, Biotin	Thạch	Nhai	750mg + 100mg + 20mg + 300µg + 100µg. Khối lượng ≥10 g	Gói	8.000	
189	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ giấc ngủ	Chiết xuất củ bình vôi (Tương đương Rotundin Sulfat 40 mg), Chiết xuất việt quất, GABA (Gamma Aminobutyric Acid), Melatonin	Thạch	Nhai	4000 mg + 100 mg + 50mg + 2,5 mg. Khối lượng ≥ 15g	Gói	8.000	
190	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ giảm cân	Chiết xuất Ý dĩ, Chiết xuất cơm cháy, Levocarnitin, Chiết xuất quả bứa, Glucomannan, Chiết xuất mận, Chiết xuất trà xanh	Thạch	Nhai	300mg +250mg + 250mg + 200mg +150mg + 50mg + 50mg.	Gói	8.000	
191	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ ăn ngon, tăng cường sức đề kháng	Lysin hydroclorid, Cao gan	Thạch	Nhai	200mg + 180 mg. Khối lượng ≥15g	Gói	8.000	
192	Dung dịch khí dung làm sạch đường thở mũi, họng	Natri clorid	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Khí dung	30mg/ml. Ống 5ml	Ống	8.000	
193	Xịt mũi ưu trương dành cho trẻ nhỏ từ 3 tháng tuổi đến dưới 3 tuổi	Natri clorid	Dung dịch xịt mũi	Xịt mũi	19 mg/ml. Thể tích ≥ 50ml	Lọ	1.000	
194	Xịt mũi ưu trương dành cho trẻ trên 3 tuổi và người lớn	Natri clorid	Dung dịch xịt mũi	Xịt mũi	23 mg/ml. Thể tích ≥ 50ml	Lọ	1.000	
195	Dung dịch đẳng trương dùng vệ sinh mũi	Natri clorid	Dung dịch xịt mũi	Xịt mũi	9 mg/ml. Thể tích ≥ 50ml	Lọ	1.000	
196	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung lợi khuẩn đường ruột	Ngăn bột: Lactobacillus acidophilus, Bifidobacterium lactis, Bacillus clausii Ngăn dung dịch: Polydextrose (chất xơ Litesse ultra), Zinc gluconate, Manganese gluconate	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	10^8cfu + 10^8cfu + 10^8cfu + 400mg + 35mg + 5mg	Lọ	1.000	
197	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung vitamin và khoáng chất	Beta glucan (Beta -1,3/1,6-D-glucan), Echinacea purpurea extract, Yến mạch, Acid ascorbic (Natri ascorbat), Kẽm gluconat (tương đương 3,6 mg kẽm).	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	2250mg + 2250mg + 1500mg + 1250mg + 25mg. Thể tích ≥150ml	Lọ	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
198	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung calci, vitamin và khoáng chất	Calci hydroxyapatit, Zinc oxid, Magie oxid, Vitamin D3, Vitamin K2, Fructose oligo saccharide, Plum juice powder, Collagen peptides, tá dược vừa đủ	Viên nang	Uống	385mg, 5,6mg, 125mg, 100IU, 10mcg, 50mg, 50mg, 50mg.	Viên	10.000	
199	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung vitamin và khoáng chất	Dibasic calci phosphat anhydrous, lecithin, magnesi sulfat, Vitamin C, G115 Panax Gineseng extract, Sắt (III) sulfat, Nicotinamid, Dl-alpha tocopheryl acetat, Đồng (III) sulfat, Kẽm sulfat monohydrat, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamine mononitrat, Natri selenit, Folic acid, Biotin, Cyanocobalamin, Vitamin A	Viên nang mềm	Uống	340mg, 100mg, 71mg, 60mg, 40mg, 33mg, 18mg, 10mg, 5,6mg, 2,75mg, 2,0mg, 1,6mg, 1,4mg, 110mcg, 100mcg, 50mcg, 1mcg, 2667IU.	Viên	10.000	
200	Thực phẩm hỗ trợ giảm mỡ máu, đường huyết	Cao khô actiso, dầu cá (Omega 3), Coenzym Q10, Rutin, Policosanol, Vitamin B3	Viên nang	Uống	100mg + 100mg + 30mg + 25mg + 10mg + 5mg.	Viên	10.000	
201	Sản phẩm chăm sóc da, cấp ẩm và phục hồi	Nước tinh khiết, Butylene glycol, Glycerin, Vaselin, Urea, Dexpanthenol, paraffin, Glyceryl monostearate, Aloe Barbadensis leaf extract, sodium hyaluronate, Allantoin, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Vitamin E, Carbomer	Kem/gel	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 100g	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
202	Sản phẩm chống nắng, kiểm soát dầu	Titannium Dioxide; Ethylhexyl triazone; Octocrylene; Butyl methoxydibenzoyl methane (Avobenzon); Drometrizole trisiloxane; Terephthalylidene dicamphor sulfonic acid; Homosalate; Ethylhexyl salicylat; BIS-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl triazone; ZinC gluconat; Aluminum starch Octenyl succinate; C10-30 Alkyl Acrylate crosspolymer; Alpha tocopherol	Kem/gel	Dùng ngoài	Khối lượng ≥50gam	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
203	Sản phẩm làm sạch gàu, giảm gãy rụng tóc	Zinc pyrithione, zinc gluconate, dexpanthenol	Dầu gội	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 285ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	2.000	
204	Kem xả phục hồi tóc hư tổn	Nước tinh khiết, Glycerin, Behentrimonium Chloride, Dimethicone, Cetyl Alcohol, Sodium Chloride, Stearyl Alcohol, Cocoamido propryl betain, Lactic Acid, Lysine HCl, Menthol, Dexpanthenol, Refined Olive Oil (Dầu olive), Tween 80, Phenoxyethanol, Zinc Pyrithione, Acid Citric, Disodium EDTA, Kali sorbat, Magnesium sulfate, L-Arginine HCl, Span 80, Alpha-Tocopherol, Hương tự nhiên, Acid Acetic	Kem	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 300g	Hũ/Chai/lọ/tuýp/hộp	2.000	
205	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ giúp cân bằng hệ vi sinh vật	Lactobacillus rhamnosus, Lactobacillus paracasei, Lactobacillus plantarum	Viên đặt	Đặt âm đạo	10^10 CFU + 10^10 CFU + 10^10 CFU	Viên	9.000	
206	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ cân bằng pH âm đạo	Acid lactic, natri lactat	Viên đặt	Đặt âm đạo	167mg + 100mg	Viên	5.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
207	Sản phẩm làm sạch phần phụ	Water, Cocamidopropyl Betaine, Glycerin, Propylen Glycol, Cocamide Diethanolamine, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Decyl glucoside, Dexpanthenol, Xanthan Gum, Bisabolol, Allantoin, Acid lactic, Thyme Extract, Piper betle leaf Extract, Sodium benzoate, Menthol, Disodium ED	Gel/dung dịch	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 200ml	Lọ	1.000	
208	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị viêm nhiễm phụ khoa	Metronidazol, Neomycin sulfat, Nystatin, Hardfat	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	500mg, 65.000 IU, 100.000 IU	Viên	5.000	
209	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị nấm	Clotrimazole	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	100 mg	Viên	5.000	
210	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị nấm	Clotrimazole	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	200 mg	Viên	5.000	
211	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị nấm	Clotrimazole	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	500 mg	Viên	5.000	
212	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ điều trị sùi mào gà	- Alpha - Lactalbumin - Oleic acid - Sodium chloride - Cacium chloride - Potassium chloride - Sodium Carboxymethyl Cellulose - Fragrance - Citric acid - Lactic acid - Sodium benzoate	Kem/gel	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 20g	hộp/lọ/tuýp	500	
213	Thực phẩm tăng cường tuần hoàn não	- Citicoline	Viên nang	Uống	500mg	viên	10.000	
214	Thực phẩm tăng cường chức năng gan	- L-Glutathione - Silymarin - Betaglucan 1,3-1,6. - Ngũ vị tử Bắc - Choline	Viên nang	Uống	500mg 120mg 100mg	viên	10.000	
215	Sản phẩm làm sạch vùng kín	Chiết xuất cúc hoa, Tinh chất trà xanh, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu lá trầu không, Tinh dầu tràm, Lô hội	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥100 ml	Chai/lọ	1.000	
216	Sản phẩm làm sạch vùng kín	Chiết xuất cúc hoa, Tinh chất trà xanh, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu lá trầu không, Tinh dầu tràm, Lô hội	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥100 ml	Chai/lọ	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
217	Sản phẩm chăm sóc và bảo vệ da bé khỏi rôm sảy, hăm tã	Thành phần từ thiên nhiên: Chiết xuất yến mạch - Avena Sativa L.	xịt ngoài da	Dùng ngoài	Thể tích ≥50 ml	Chai/lọ	500	
218	Sản phẩm làm sạch vùng kín	Chiết xuất cúc hoa, Tinh chất trà xanh, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu lá trầu không, Tinh dầu tràm, Lô hội	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 200 ml	Chai/lọ	500	
219	Sản phẩm làm sạch vùng kín	Chiết xuất cúc hoa, Tinh chất trà xanh, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu lá trầu không, Tinh dầu tràm, Lô hội	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 200 ml	Chai/lọ	500	
220	Sản phẩm làm sạch, cân bằng pH tự nhiên của vùng kín	Dầu Hoa Anh Thảo, chiết xuất Cúc La Mã, chiết xuất cỏ Xạ Hương, fucoidan, allantoin, Vitamin E, acid lactic, bisabolol	Dung dịch/nhũ dịch/gel	Dùng ngoài	Thể tích ≥100 ml	Chai/lọ	200	
221	Sản phẩm làm dịu vết hăm tã, dưỡng ẩm và chăm sóc da bé	Chiết xuất yến mạch, kẽm oxid…	gel/kem	Dùng ngoài	Khối lượng ≥ 30g	Chai/lọ	200	
222	Sản phẩm làm sạch da, cải thiện độ sáng của da	Chiết xuất rau má, Cam thảo, Lô hội, Trà Xanh, Mật ong, Dầu argen, sen hồng, dầu Jojoba, dầu Oliu	gel/kem	Dùng ngoài	Thể tích ≥ 150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
223	Sản phẩm dưỡng ẩm, cung cấp độ ẩm, chất dinh dưỡng cho da	Chiết xuất tảo biển, cỏ nhọ nồi, rau má, quả sung ngọt, dầu argen, HA, glycerin	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch/serum	Dùng ngoài	Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
224	Sản phẩm chống nắng	Kẽm oxyd, Titan dioxid, glycerin, chiết xuất Cúc La Mã, Quả Kha Tử, Tầm gửi, Nha đam...	gel/kem	Dùng ngoài	Thể tích ≥50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
225	Sản phẩm làm sạch gàu và các bệnh nấm da đầu, giúp tóc mềm	Pirolactone olamin. Acid salicylic, chiết xuất cỏ xạ hương,..	gel/kem	Dùng ngoài	0.55, 0.5%, 0.00075%, Thể tích	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
226	Sản phẩm làm sạch mặt dịu nhẹ dùng cho mọi loại da, kể cả da nhạy cảm	HYDROLYZED COLLAGEN, PUNICA GRANATUM FRUIT EXTRACT, ALOE BARBADENSIS LEAF JUICE,…	Kem bọt mịn	Dùng ngoài	Thể tích ≥150ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
227	Sản phẩm tẩy trang	CITRUS AURANTIUM DULCIS JUICE, VACCINIUM MYRTILLUS FRUIT EXTRACT, CITRUS AURANTIUM DULCIS FRUIT EXTRACT, CITRUS LIMON FRUIT EXTRACT,…	Gel dầu	Dùng ngoài	Thể tích ≥125ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
228	Sản phẩm dưỡng ẩm	Hyaluronic,…	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch/serum	Dùng ngoài	330mg hyaluronic, Thể tích ≥/30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	

TT	Tên chung của sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Dạng bào chế	Đường dùng	Hàm lượng, thể tích dự kiến (có thể >=)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
229	Sản phẩm dưỡng trắng da	Tranexamic 2%, niacinamide 4%, Hyaluronic, Centella Asiatica,…	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch/serum	Dùng ngoài	Tranexamic 2%, niacinamide 4%, Thể tích ≥30ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
230	Sản phẩm chống nắng SPF30	Niacinamide 4%, Hyaluronic,…	gel/kem	Dùng ngoài	Niacinamide 4%, Thể tích ≥50ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
231	Sản phẩm chống nhăn vùng mắt	Niacinamide 4%, Soluble collagen, Caffeine, Rosa centifolia flower, Punica granatum flower, hyaluronic,…	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch/serum	Dùng ngoài	Niacinamide 4%, Thể tích ≥15ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
232	Sản phẩm chống nắng SPF50	Niacinamide 4%, Hyaluronic, Aloe,…	Kem/nhũ tương/tinh chất/Sữa/Gel/ dung dịch/serum	Dùng ngoài	Niacinamide 4%, Thể tích ≥25ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
233	Sản phẩm tắm dưỡng ẩm	ALOE BARBADENSIS LEAF JUICE, OLEA EUROPAEA FRUIT OIL, LINUM USITATISSIMUM SEED OIL, BORAGO OFFICINALIS SEED OIL,...	gel/kem	Dùng ngoài	Thể tích ≥200ml	Chai/lọ/tuýp /hộp	1.000	
Tổng cộng: 233 danh mục								

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO GIÁ

Kèm theo Thông báo số ...../TB-BVPDLTWQL ngày.....tháng.....năm 2024 của Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập)

CÔNG TY: .....
Địa chỉ: .....
Số điện thoại: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập, công ty ..... Gửi báo giá các mặt hàng chúng tôi đang cung cấp như sa

Phần yêu cầu của bệnh viện						Công ty báo giá											
STT	Tên danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	STT mời chào giá	Tên sản phẩm	Số công bố	Xuất xứ	Hãng SX-Nước SX	Thành phần (ghi đầy đủ theo phiếu công bố)	Quy cách đóng gói, dạng bào chế	Thể tích khối lượng sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Ghi chú:

1. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu ..... ngày kể từ ngày báo giá

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)..... và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

- Các yêu cầu khác: .....

....., ngày … tháng …. năm ….
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký tên và đóng dấu)